Dépôt Légal

TÌNH THÚC-GIẠ

235 BÀI THI NÔM

DEPOT LEGAL
INDOCHINE
N° 2263

CỦA

Ưng-Bình Thúc-Gia Thị

Lý-Bỉ Thương-Thơ Trí-Sĩ

VỸ-DẠ -:- HUẾ

XUẤT BẢN NAM NHẠM-NGỌ
=1942=

8° Indoch. 2831

2831

Source gallica.bnf.fr / Bibliothèque nationale de France

TÌNH

THUỐC-GIẢ

THI-ĐÀI THƠ NÔM

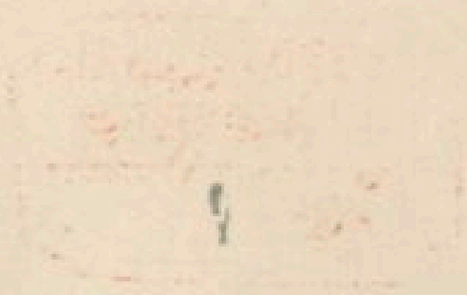

TÌNH
THÚC-GIẠ

235 BÀI THI NÔM

DEPOT LEGAL
INDOCHINE
Nº 21263

CỦA

Ưng-Bình Thúc-Gia Thị

Lý-Bí Thương-Thơ Trí-Sĩ

VỸ-DẠ -:- HUẾ

XUẤT BẢN NĂM NHÂM-NGỌ
=1942=

8° Indoch
2831

TÌNH THÚC-GIẠ

Xem thi trước hãy xem bài tựa,
Mới dễ mua vui cuộc phẩm bình.

TÌNH THÚC-GIẠ

Tình là sao ?

Tình là mối cảm-giác của tâm-hồn, thi ca là tiếng ở trong tâm-hồn phát lộ ra. Tiếng phát lộ có tình với gia-đình với xã-hội, có tình với hải hà sơn nhạc, nguyệt lộ phong vân, sao âm-vận cho dễ ngâm, dễ hát, dễ hiểu, dễ nghe, mới gọi rằng có tình ; nếu trái lại thì hóa ra vô-tình mà vô-vị.

Thúc-Giạ là ai ?

Thúc-Giạ là tên chữ của tôi, bạn cũ người quen thỉnh thoảng có nhắc đến tên tôi :

Ông Nguyễn-Thuyết, tức là ông Hiệu-Thuyết, tự Mộng-Si, gởi thơ thăm tôi, có câu : « *Nghiên bút chẳng quên* **tỉnh Thúc-Giạ**, *phấn son còn ngỡ dạng Lai-Châu* ».

Ông Ưng-Tôn, tự Thúc-Thuyên đãi tiệc giữa sông Hương có câu : « *Khúc hát Kim-Qui trên nước biếc, câu thi Thúc-Giạ giữa trời xanh* ».

Ông Phan-văn-Hy, tự Kỉnh-Chỉ đến thăm tôi tại dinh Tuần-Vũ Phú-Yên, có câu : « *Chuông vạc rõ ràng dinh Thúc-Giạ, áo xiêm mường tượng vẻ Lai-Châu* » với câu : « *Rượu chẳng Lai-Châu không muốn uống, thi không Thúc-Giạ chẳng màng ngâm* ».

Ông Trần-mạnh-Đàn, hiệu Thuận-Giang, đề vịnh tuồng Lộ-Địch, có câu : « *Cót-nay văn sĩ đà tay thợ, Thúc-Giạ tiên-sanh lại bậc thầy* ».

Nữ-thi-sĩ là cô Như-Không xem tuồng Lộ-Địch có câu « *Ngọn bút tài hoa ai đã trải, mới hay Thúc-Giạ diễn là hay* ».

Cô Công-tôn-nữ Bạch-Liên hát đưa tôi đi Bố-Chánh Hà-Tịnh, có câu : « *Hỏi ông Thúc-Giạ đi mô, để câu vản thọ mô hồ ai nghe* ».

Ca-nhi là Ấu-Mai hát giữa tiệc rượu đêm Trùng-Cửu năm Kỷ-Mão, có câu : « *Ai ơi muốn học thi tiên, hỏi ông Thúc-Giạ ở miền Nội Lau* ». Câu này là ông Ưng-Oanh, hiệu Hòe-Đình tức tịch đặt ra, mà bảo Ấu-Mai hát.

Đêm mồng 6 tháng giêng năm Canh-Thìn (1940) Quan viên phủ Thừa-Thiên mở tiệc đưa quan Doãn Đặng-thành-Đôn về hưu, có mời các quan Doãn nguyên là ông Nguyễn-Hy, ông Nguyễn-khắc-Niêm và tôi đến dự tiệc ; khi cô đào Hòa dâng rượu hát câu : « *Chúc mừng Thúc-Giạ Tiên-sanh, Tiên-nguyện rượu ngọt hưu-đình thi hay* ». Câu ấy là ông Kinh-Lịch Đinh-xuân-Hội đặt ra cho cô đào hát.

III

Đêm hai mươi tháng ba năm Tân-Tỵ, các bạn làng thi Phú-Xuân và Vỹ-Hương đi chơi thuyền. Ca-cơ là Liễu-Nương hát câu : « *Chúc mừng Thúc-Giạ Vương-Tôn, sóng Hương núi Ngự thi hỡn là đây* ». Câu ấy là ông Vĩnh-Hòa tức tịch đặt ra cho ca-cơ hát.

Bởi vậy, quyển thi ca này nhan đề ba chữ " **TÌNH THÚC-GIẠ** " là thế thế. Xin độc-giả chư-tôn giám lượng.

Vả lại thi ca của tôi, tôi tự biết là quê vụng ; quê vụng sao không giấu đi, cho hiệp chữ tàn chuyết 藏拙, mà lại biên. tập, lại ấn-hành ? Vì có ba cớ :

Cớ thứ nhứt là chép lại những lời thi ca, để cho nhớ tiểu-sử của mình, khi vui, khi buồn, khi thương. khi giận, có thể chan chứa bầu tâm sự, mà thay đổi tính-tình đi chăng.

Cớ thứ hai là chép lại, để suy nghiệm đóa hoa trên ngòi bút, có thể hây hây theo vừng tuế nguyệt mà trổ sắc khoe hương, hay là phải lanh quanh trong vòng hạo-kiếp, mà dần dần tiêu sơ, rồi sẽ dần dần linh lạc.

Một cớ thứ ba nữa, là trông mong độc-giả vui lòng nhuận-chánh. Nhuận-chánh chỗ sai lầm về tài-liệu, về điển-tích. hoặc là âm vận, vân vân...

Năm Tân-Tỵ, niên hiệu Bảo-Đại thứ 16
- 1941 -

CHÂU-HƯƠNG VIÊN
ƯNG-BÌNH
Thúc-Giạ-Thị
tự tự

CÂU CHUYỆN LÀM THI

Thi ca trong quyển này, bài nào làm về năm nào và khi tôi mấy tuổi, tôi có ghi theo thứ tự niên-biểu với chữ số, chỉ có hai bài trích biên ra đầu tiên không chữ số mà thôi.

Một bài, đầu đề là " **Chơi với bạn làng thi** *". Bài này ngỏ ý mình vui thú ngâm nga, nên làm thi trước phải tuân theo niêm luật, thanh điệu thi thất ngôn; sau nữa mới tham dụng đến trường-thiên đoản-cú.*

Một bài, đầu đề là " **Vịnh bức bóng của mình** *". Bài này chủ ý ra mắt độc-giả qui-liệt, kể qua câu chuyện đời mình, trông mong có kẻ tâm sự như mình, tưởng đến mình càng ngày càng đông, ấy là chí-nguyện.*

Nói tóm lại, thời hai bài này cũng như lời tổng-mạo của quyển thi ca này, chớ không phải có đặc-sắc gì hơn các bài khác, để rao hàng mà vọng cầu giá-trị.

Kính bút

ƯNG-BÌNH

Thúc-Gia-Thị

CHƠI VỚI BẠN LÀNG THI

TIẾT TRÙNG-DƯƠNG NĂM KỶ-MÃO

(**Bạn làng thi bảo ca-nhi là Ấu-Mai tự ý ngâm một câu thi cũ để lấy vần cuối cùng làm vần tức-tịch. Ca-nhi ngâm rằng** : *« Ơi NGƯỜI MẶC-KHÁCH KẺ TAO-NHÂN »*. **Thế là chữ NHÂN là chữ hạn vận**).

Gẫm mình chưa đúng bậc thi-nhân,
Vui thú ngâm nga phải lựa vần.
Niêm luật tám câu gieo chớ lỗi,
Trắc bình bảy chữ đối cho cân.
Thử nghề bút-chiến hơn trăm trận,
Giựt giải phong-tao nỏ mấy lần.
Giữa hội Trùng-dương đông đủ mặt,
Theo đòi lão lại cứ lần đần.

1939, năm Kỷ-Mão, 63 tuổi

ĐỀ BỨC BÓNG CỦA MÌNH

Lọt lòng nhớ thuở khóc oa oa,
Giận gió quen sương mãi đến già.
Tai mắt chẳng hơn gì bạn tác,
Áo xiêm cũng đẹp với người ta.
Cái thân phù-thế còn vương nợ,
Mái tóc vô-tình lại trỗ hoa.
Tâm sự với mình ai tưởng tới,
Mua tơ thêu tượng của mình ra.

1937, năm Đinh-Sửu, 61 tuổi

Thúc-Giạ là con ông Tiểu-Thảo
cháu ngài Tuy-Lý ở Xuân-Kinh

VỊNH SỬ VỀ PHÁI NỮ-LƯU

(Giáp-Thìn, 1904, Ký-lục Hội-an, 28 tuổi)

1) NÀNG MỊ-CHÂU

(Con gái vua Thục-An-Dương vương)

Phỉnh phờ cho thiếp rắc lông nga,
Trọng-Thủy anh ơi tệ lắm mà.
Giong ruổi cùng đường sa vó ngựa,
Tin chồng nên nỗi lụy minh cha.

2) BÀ TRƯNG-TRẮC

(Trưng-Nữ-Vương)

Nợ nước thù chồng quyết trả xong,
Việt-Nam ta có nữ anh hùng.
Sáu mươi lăm quận cờ hưng-quốc,
Là tiếng Trưng-vương giữa núi sông.

3) BÀ TRƯNG-NHỊ

(Em bà Trưng-Trắc)

Giúp công cho chị trả thù chồng,
Đổi phấn son làm dạng kiếm cung.
Đuổi chú giặc Ngô về ải bắc,
Xây nền độc lập để vui chung.

4) BÀ TRIỆU-ẨU

Phẳng lặng non xanh rúc tiếng còi,
Trịu ba thước vú cỡi đầu voi.
Xông pha lắm trận thân bồ liễu,
Quản-tượng còn nghe tiếng rủ coi. (1)

5) NÀNG MỊ-Ê

(Vợ vua Chàm là Sà-Đẩu)

Tấm chiên xao dợn giữa giòng sông,
Hai chữ hưng-vong trọn với chồng.
Còn mãi tiếng thơm cô liệt-nữ,
Chị em mình có rõ hay không ?

1) Câu ca dao : « Muốn coi lên núi mà coi, coi bà Quản-Tượng cỡi voi bành vàng ».

6) VÔ-ĐỀ

(Bính-ngọ, 1906, 30 tuổi)

Cửa Hầu từ gởi lấm thương-yêu,
Chẳng biết tin đâu hỏi một đều.
Còn nước còn non còn hẹn đó,
Qua đường chi nỡ phụ chàng Tiêu.

7) ĐỘNG HUYỀN-KHÔNG

(tại núi Ngũ-Hành-sơn ở Quảng-Nam)

Vô động Huyền-Không núi Ngũ-Hành,
Ngỏ lời tâm-sự với sơn-linh.
Rêu xanh đá bạc ghi hàng chữ,
Là chữ « Vương-Tôn Thúc-Gia Bình ».

Ký-Lục Hội-An 1906, 30 tuổi.

8) NHỚ-BẠN (36 tuổi)

Lỗi hẹn chi chi mãi rứa tề,
Mai tròng chiều dợi đã no nề.
Mở giây ly-hận tơ càng vướng,
Mang bệnh si tình thuốc cũng chề.
Say lắm, đổ cho bầu rượu lạt,
Yêu nhau không phải cái bùa mê.
Non Bồng đó chẳng bao nhiêu dặm,
Sao cái chim xanh chậm trở về.

9) GÁNH TƯƠNG-TƯ

(Bính-thìn, 1916, Tri-phủ Điện-Bàn, 40 tuổi)

Trong gánh tương-tư những vật gì ?
Giày hồng lá đỏ đỏ chơ chi.
Sao mà bợ ngợ không sương nổi,
Lại cứ lần dần chẳng vất đi.
San sẻ khốn ngờ cân tạo-hóa,
Nặng nề thêm mãi khối tinh-si.
Hỏi ai là bạn thương mình đó,
Xin hãy xê vai rợt chút ni.

10) KHUYÊN HỌC-TRÒ

(Đinh-Tỵ, 1917, Tri phủ Hà-Trung, 41 tuổi)

Áo mẹ cơm cha dã ấm no,
Gắng công mà học mới ra trò.
Tay vin ngành quế nên tơ tưởng,
Thi đàn cây chanh chớ hẹn hò. (1)
Giữ đạo thánh-hiền ngay với thảo,
Ra trường danh-lợi nhỏ rồi to.
Ai ơi phải tưởng lời ai với,
Ai có thương ai mới dặn dò.

1) Ca dao : Làm một bài thi đem dán cây chanh,
trai bỏ học hành gái bỏ bán buôn.

11) CÓ NƯỚC KHÔNG NON

(Mỹ-nhơn là Vị-Trang ra đề, vì khi đi với bạn là ông Võ-Thái với ông Ưng-Ấn đến thăm nhà mỹ-nhơn, trước mặt nhà có cái hồ mà không có non bộ, mỹ-nhơn mượn cảnh ấy ra đề, hạn vận non)

Cho dặng ba vuông với bảy tròn,
Sao mà có nước lại không non?
Sông Tương trăng gió tình còn nặng.
Đành Giáp mây mưa mắt đã mòn.
Dẹp gánh tiều-phu e cũng phải,
Giong thuyền ngư-phủ há rằng khôn.
Chi bằng vẽ lại tranh sơn-thủy,
Mượn Khổng-Lồ xây lấy một hòn.

(Mậu-Ngọ, 1918, Viên-Ngoại Bộ-Binh, 42 tuổi)

12) CHIM Ô-THƯỚC

(cũng Vị-Trang mỹ-nhơn ra đề, hạn vận ô)

Con chim Ô-Thước ở mô mồ?
Không đậu non Binh đậu núi mô!
Liệng nguyệt bóng in giòng Xích-Bích,
Kêu sương tinh nặng bến Cô-Tô.
Cầu xa ngại kể bao nhiêu nhịp,
Đá chập chồng xây biết mấy ô.
Trải mấy ngàn thu đêm Thất-tịch,
Nầy cô Chức-nữ nhớ chăng cô.

(42 tuổi)

13) BỨC TRANH MỸ NHƠN

(Cùng Vị-Trang mỹ nhơn ra đề, hạn vận Thương)

Sắc sảo khôn ngoan đủ mọi đường,
Ôm cầm dễ lạnh mái Tây-Tương.
Cứ làm thinh mãi vì răng rứa ?
Ưng tình toan chi hãi ngợ ngàng.
Son phấn vẫn nhớ nơi chú thợ,
Can-trường đã gởi với người thương.
Hỡi ai thêu tượng Bình-Nguyên đó,
Đem dựa bên mình giữ lấy hương.

(42 tuổi)

14) ĐÊM XUÂN CÙNG BẠN DẠO THUYỀN

Chơi trăng sông Bồ - giang, trong thuyền có hai người ca cơ ; hạn vận : Bê, Xê, Dê, Đê, Ề.

(Canh-Thân, 1920, 44 tuổi)

Con thuyền vững lái gió không bề,
Ra giữa giòng khơi mái cạy xề.
Trộ sáo sông sâu chài bủa cá,
Tiếng tiêu đồng rộng trẻ chăn dê.
Gương in bóng nước đôi vành nguyệt,
Liễu trĩu ngành xuân mấy dặm đề.
Cụm lách ngữa nghiêng bầu Lý-Bạch,
La-Phù một giấc cũng đà ê.

15) CHỜ BẠN (44 tuổi)

Khôn ngoan đã kém mặt khuynh-thành,
Ngây dại thêm phiền nết Vĩ-sanh.
Thay đổi cúc vàng mai lại trắng
Hẹn hò sen thắm liễu còn xanh.
Bể hoa núi Ngự gây mùi nhớ,
Rửa nước sông Hương dợn sóng tình.
Rày đợi mai trông ai chẳng thấy,
Nhắn nhe ai nỡ chịu làm thinh.

16) HỌA VẦN THI CỤ PHƯỚC-MÔN

Gởi điếu quân tùng chinh tử trận bên Pháp (44 tuổi)

Vừng âu hăm hở bước tồ-chịnh,
Giúp sức bang-giao trọn nghĩa mình.
Chén rượu sa-trường dầu tủi phận,
Nén hương khâm-phái cũng vui tình. (1)
Sắc in máu đỏ hai hàng lụy,
Danh tạc bia vàng một chữ vinh.
Ngậm vịnh vẫn quen nghề cố-quốc,
Câu thi làm lễ điếu chư-linh.

(1) Cụ Thượng Đặng-ngọc-Oánh khâm-phái sang Pháp.

17) GẶP TIÊN NỮ GIẠO CHƠI TRƯỚC VƯỜN BÔNG.

Tìm hoa, lại viếng cảnh hoa thôn,
Bồng thấy Tiên-Nga dạo trước bồn.
Vẻ bước lơ thơ hàng liễu yếu,
Miệng cười hớn hở ánh đào non.
Lựa lời muốn hỏi may chi nữa...
Nhìn mặt chưa quen chẳng dám nôn.
Lan-xạ bay qua luồng gió thoảng,
Hương-thừa phưởng phất áo Vương-tôn.

18) Đi với ông Huyện Bố-trạch Bùi-Ưu. Kinh-lịch Phạm-Loan, Thừa-phái Tôn thất-Đải, hành hạt tỉnh Quảng-Bình ; khi trở về

ĐẬU ĐÒ TẠI SÔNG GIANH, HỨNG CẢNH KÝ SỰ

(Nhâm-Tuất, 1922 Án-Sát Quảng-Bình, 46 tuổi)

Kia non nọ nước một vòng quanh,
Giắt rủ đi chơi bốn đứa mình.
Bữa trước xe qua đường chợ Đón, (1)
Hôm nay đò đậu bến sông Gianh.
Trà quan Huyện Bố cơm Tôn-Đãi,
Sữa chú Kinh Loan bánh mệ Bình.
Vách mấy ngày mai về Động-Hải,
Dầu ai có hỏi chớ làm thinh.

(1) Chợ Đón là cái chợ Phiên lớn thứ hai của tỉnh hạt Quảng - Bình, gần đường thiên-lý.

Ngày tháng chạp năm Nhâm Tuất ra Thổ-ngọa, lo phòng bệnh dịch ; đò đậu sông Linh-giang ;

NHƠN LÚC BỮA CƠM CẢM TÁC

tỏ ý mình ra với ông Tỉnh thuộc Tôn-thất-Đãi. (46 tuổi)

19) Bài thứ nhất

Một chén Hàm-hương một dĩa rau,
Bữa cơm thô-lệ cũng ưa mầu.
Tỉnh say búng rượu sầu chi xiết,
Mặn lạt tinh đời kể với nhau.
Thương bấy lư-điêm người tật khổ,
Xét chăng đài-tạ kẻ sang giàu.
Sông Linh phải cậy thần-linh với.
Thổ-Ngọa là dân lúc đớn đau.

20) Bài thứ hai

Đôi củ khoai lang hột muối trường,
Gẫm trong đạm bạc đủ mùi hương.
No nao biển hoạn hơn mười bữa,
Lên xuống sông Gianh mấy dặm đường.
Te rẹt dám khoe cần võng đỏ,
Giãi dầu nên chuộng bát cơm lương.
Hỏi ta ta biết nhơn-tình đó,
Biết lại càng thêm nỗi xót thương.

21) HỌA VẦN THI KỲ SỰ NĂM MỚI

của ông Ưng-Dinh : Bá-Thành Thị, Tổng-Đốc Thanh-hóa.

(46 tuổi)

Mãi mãi tin xuân hết lại còn,
Vui vui nọ nước những nầy non.
Hoa thơm dễ đượm màu mưa móc,
Mặt đẹp càng ưa vẻ phấn son.
Hai chữ công danh đường cái rộng,
Nghìn thu ngay thảo bóng gương tròn.
Chúc nhau chuyện cũ mừng năm mới,
Chén rượu Đồ-tô uống cũng ngon.

22) ĐI CHƠI THUYỀN

với quan Bố-Chánh Huỳnh-Kiêm ở Nhựt-Lệ (46 tuổi)

Một giải non sông một gánh tình,
Cũng phường gái lịch với trai thinh.
Khúc ca lưu-thủy miền Đông-Độ,
Điệu hát hò-khoan nốc Quảng-Bình.
Mở túi càng vui thi Lý-Bạch,
Nghiêng hồ chẳng chán rượu Lưu-Linh.
Đến chiều thứ bảy khi hưu-hạ,
Đã có tri-âm bạn với mình.

23) HỌA VẦN THI VÔ ĐỀ

của ông Tôn-thất-Đái, khi đi chơi thuyền Đông-Hải (46 tuổi)

Thừa ưa gió mát lại trăng thanh,
E phải vương mang lấy nợ tinh.
Non nước chẳng sai kỳ tái-ngộ,
Đá vàng chi lỗi hẹn tam-sanh.
Vì chưng lạc bước thuyền Tây-tử,
Nên nỗi ham vui thú Động-đình.
Minh thiệt thương ai ai có biết,
Biết chăng chẳng biết cũng là xinh.

24) ĐI CHƠI LẦN THỨ BA TRÊN NÚI KIM-SEN

thuộc về phủ Quảng-Ninh tỉnh Quảng-Bình (48 tuổi)

Con thuyền nhẹ nhẹ tới Kim-Sen,
Mấy khúc quanh co một giãy lèn.
Mỉa mắt non sông nhìn lối cũ,
Vui tình cây cỏ rước người quen.
Dấu bia trăng giọi còn in chữ,
Cửa động mây gài chẳng khác thoen.
Năm ngoái năm ni trên đỉnh núi,
Câu thi xướng họa đã nhiều phen.

25) ĐAU LÀNH RỦ BẠN ĐI CHƠI THUYỀN

(Ất-Sửu, 1925, 49 tuổi)

Lâu nay ta đã vắng chơi thuyền,
Lợt cái tinh sông, hổ với duyên.
Lỗi hẹn bưa vừa năm bảy tháng,
Ôm buồn cũng độ chín mười niên.
Mái chèo Tây-Tử khi khoan nhặt,
Bầu rượu Đông-Pha lúc ngữa nghiêng. (1)
Ơi hỡi tri-âm ai mấy kẻ,
Đây đấy lẻo lái hãi còn nguyên.

26) HỌA VẦN THI HOÀI CẢM

của ông Phan-kinh-Chỉ, Y-Sĩ ở Pleiku (49 tuổi)

Đã lỡ ra rồi bước lợi danh,
Dỡ dang lời nguyện ước ba-sanh.
Tan-tan hiệp-hiệp Nam rồi Bắc,
Tỉnh-tỉnh say-say bạn với mình.
Ôm bệnh tương-tư thầy Biển-Thước,
Đau lòng tiễn-biệt khách xuân-Kinh.
Dầu ai có thuốc hay chi nữa,
Khốn chữa cho ai một khối tình.

(1) Bốn vần không chữ G, mà vần nghiêng có chữ G dứng sau, tuy đọc cũng êm, nhưng theo phép làm thi, thời chưa đúng. Xin độc giả phũ chánh.

27) ĐÊM TRÙNG CỬU

đi chơi thuyền ở Lệ-Hải, họa vần Đông-chi-Thị (40 tuổi)

Đi chơi với bạn dã nhiều phen,
Cửa bể là nơi có ngọn đèn.
Đò Trạm gió đưa câu hát cũ, (1)
Cồng Quan trăng giọi bóng người quen. (2)
Cái ve, cụm lách, nghiêng rồi ngữa,
Vỏ đuốc, thuyền câu, tất lại nhen.
Trùng-cửu năm nay sông Nhựt-Lệ,
Khác mảu năm ngoái ở non Sen. (3)

(1) Đò Trạm là bến đò đặt ra từ đời Gia-Long, để đưa trạm dịch đi phi báo việc quân sự.

(2) Cồng Quan là cửa Quảng-Bình-quan, tại lủy Thầy, Thầy tức là ông Đào-duy-Từ.

(3) Non sen là Kim Sen, tại địa-hạt phủ Quảng-Ninh.

28) CẢNH SƠN THỦY QUANH ĐỒN MINH-CẦM

thuộc huyện Tuyên-Hóa, tỉnh Quảng-Bình (49 tuổi)

Chửa biết xưa kia mấy thợ thầy,
Mấy tay ông thánh Khổng-Lồ xây.
Lẻn giăng mặt nước cây chen đá,
Núi bủa lưng trời khói lộn mây.
Rủ rỉ dưới non câu hát mọi,
Khôn ngoan trước gió ngọn cờ tây.
Hỏi ra thôi cũng đồn ông Một,
Bốn chục năm thừa tới ở đây.

29) ĐÊM NẰM KHÔNG NGỦ

(49 tuổi)

E minh mắc phải bệnh Tương-Như,
Không ngủ ra ri có phải ư.
Tơ tưởng chuyện nầy qua chuyện khác,
Lần hồi canh một đến canh tư.
Non tây đã thấy trăng dòm lại,
Biển bắc còn nghe gió thổi nư.
Bồng chốc te te gà gáy sáng,
Sương tan hoa nở mấy ngành dư.

30) ĐI HÀNH HẠT

với quan Công-Sứ Quảng-Bình trên đường thượng du Thanh-Lạng (Bính-Dần, 1926, 50 tuổi)

Khúc ngựa rồi xe khúc bộ-hành,
Ngõ lên Thanh-lạng núi vòng quanh.
Qua truông đất Đỏ đường thêm ngại, (1)
Nghe tiếng sông Vàng nước vẫn xanh. (2)
Dặm tía đã mòn chân Đỗ-Mục,
Cầu Lam chưa thấy vẻ Vân-Anh.
Ơn ai bảo hộ mình đi đó,
Bước chậm theo đòi kẻ bước lanh.

(1) Truông đất Đỏ tại làng Kim-Lũ, là cái truông có tiếng nhiều cọp, nên qua đó có lòng ái ngại.
(2) Sông Vàng là con sông gần đầu nguồn, chạy xuống sông Gianh (Linh Giang).

31) ÁN-SÁT QUẢNG-BÌNH ĐỔI VỀ THỊ-LANG BỘ-HỌC, LƯU-GIẢN

(50 tuổi)

Hay dở chi chi cũng mặc dầu,
Cũng thi Lưu-giản một vài câu.
Nợ đôi ba chữ đồn không mấy,
Tình bốn năm năm ngỏ chửa lâu.
Phường phất mùi sen khi cạn chén,
Lôi thôi bờ liễu lối chia bầu.
Kẻ về người ở nên thương nhớ,
Người nhớ non Bình kẻ núi Mâu. (1)

32) NĂM MƯƠI TUỔI

(Bính-Dần, 1926, Thị-Lang Bộ Học)

Mới đỏ u oa khóc lại cười,
Mảy râu nay đã đến năm mươi.
Cuộc cờ tính mãi nên long óc,
Tóc bạc thêm hoài luống hổ ngươi.
Dồn nợ bút nghiên vay phải trả,
Đượm hơi son phấn ủ rồi tươi.
Cũng trang Bá-Ngọc chầu xuân tới,
Biết phải hay chăng cũng một người.

(1) Núi Mâu là núi **Đâu-Mâu** ở Quảng-Bình.

33) VỊNH HOA, THÁNG CHẠP, (50 tuổi)

Mai trồng chiều dợi gió đông-phong,
Hoa nở hoa ni cũng một lòng.
Mưa đã nặng ngành, hương ướm trổ,
Sương chưa đồ lá, nhụy còn phong.
Xôn xao giữa nội phường oanh yến,
Nôn nức bên tường nỗi bướm ong.
Ai trước ai sau ai nở muộn,
Xin nhờ Đỗ-Mục tính cho xong.

34) ĐÊM THẤT-TỊCH (50 tuổi)

Mồng bảy đêm thu tháng bảy nầy,
Là đêm Ngưu-Nữ hẹn hò đây.
Giả ơn con quạ đành quên ngủ,
Theo việc cầu Ngân vẫn cứ xây.
Bóng thỏ vừa soi khi gặp mặt,
Canh gà đã giục lối chia tay.
Một năm một bữa hoài như rứa,
Cho đặng như nguyền rứa cũng hay.

35) TIẾT TRÙNG - DƯƠNG QUÊN ĐI CHƠI NÚI (50 tuổi)

Năm ngoái Trùng-Dương ở Lệ-Thành, (1)
Năm nay Trùng-cửu Phú-Xuân kinh. (2)
Xa xa chạnh nhớ người Mâu-lảnh,
Lững lững quên chơi thú Ngự-bình.
Tìm vận Thiếu-Lăng ngâm chẳng chán,
Sẵn hoa Nguyên-Lượng ngắm càng xinh.
Khoe khoang áo vẽ, thêm mùi rượu,
Không múa trên non, múa giữa đình.

1, 2) Năm ngoái Ấn-sát Quảng-bình, năm nay Thị-lang bộ Học.

36) ĐI CHƠI THUYỀN

Đêm hăm tám tháng tám năm Bính-dần đi chơi thuyền với bạn giữa sông Hương-giang, nghe mấy câu hát mái đẩy của cô Đinh, sắp lại làm bài thi thất ngôn luật. (50 tuổi)

Đêm thu quạnh vắng giữa giòng khơi,
Ai hát ai nghe chạnh những lời :
« Để nhện giăng mùng thân thiếp chịu, (1)
« Bỏ đam vô thỏng tiếng chàng ơi : (2)
« Không cho gạo nước giùm công với, (3)
« Toan bẻ nhành hoa kiếm chuyện chơi ». (4)
Lượng sóng luồng theo câu mái đẩy,
Mấy phen tan hiệp nỗi dầy vơi.

(1) Câu hát của cô Đinh : « Đi đâu để nhện giăng mùng, năm canh thiếp chịu lạnh lùng cả năm ».

(2) « Buổi mai lòng không dạ đói, em xách cái oi, xuống dưới ao, bắt con đam, đem về bỏ vô thỏng, hắn kêu cái rỏng, hắn kêu cái rảnh, hắn kêu một tiếng chàng ơi, chàng đà an phận thời thôi, để em chích lứa lỡ đôi sao đành ».

(3 và 4) « Không cho gạo nước cho đỡ thương, đến bảy chừ, chừ, cây xanh lá tốt, lại lập lường bẻ bông ».

37) HỌA VẦN « KHƠI TRƯỚC, SỐ 36 »

(làm thêm bài thứ hai nầy, mượn cảnh Tầm-dương Tỳ-Bà mà nói ; vì cách đây, sau mấy đêm, tôi lại cũng đi thuyền chơi lên ngõ Thiên-Mộ, gặp một người đàn bà có phong thái chừng 40 tuổi, ngồi trong một chiếc thuyền con, đàn một mình)

Thuyền ai riu rít ở ngoài khơi,
Chậm mái cho tôi ngỏ ít lời :
« Lạc lối Tầm-Dương nên nỗi thế !
« Đau lòng Tư-Mã lắm ai ơi !
« Gõ sanh hát lại vài câu thử,
« Mở miệng cười qua một tiếng chơi.
« Dâu bể cuộc đời thôi chớ tủi,
« Khi đầy sao cũng có khi vơi ».

38) HỌA VẦN THI TRÙNG-DƯƠNG ĐIẾU CỔ

của Ông Đông-chi-Thị ở Quảng-Bình gởi vào Kinh. (50 tuổi)

Buồn thu ai có nhớ ai không ?
Yến bắc nhàn nam nỗi lạnh lùng.
Một chén tình say vừng tuế-nguyệt,
Mấy phen cười khóc cửa vương-công.
Cũng toan núp bóng tìm hang thỏ,
Chưa dễ bay cao cậy cánh hồng.
Ơi bạn mình ơi, ơi hỡi bạn,
Thương chi giải nửi chạnh giòng sông ?

39) THỊ-LANG BỘ HỌC BỔ RA BỐ-CHÁNH HÀ-TĨNH LƯU-GIẢN

(Đinh-mão, 1927, 51 tuổi).

Trở lại thành Xuân chửa mấy hồi,
Phân-kỳ lại đã chén ly-bôi.
Chim đương khỏe cánh chưa mành ổ,
Ngựa đã quen đường cứ nhẹ roi.
Cái nợ tang bồng thân phải gánh,
Tấm gương ngay thảo dạ thường soi.
Hồng-Lam cũng một nơi danh-thắng,
Ai nhớ ai thời thử đến coi.

40) LỜI CHÚC HỘI NHƯ-TÂY DU-HỌC VÀ KHUYẾN MIỄN HỌC SANH

(Đinh-mão, 1927 Bố-Chánh Hà-Tịnh, 51 tuổi)

Xứ mình đã mở hội Như-Tây,
Ơi hỡi anh em phải biết nầy:
Cội đức năm thường không kẻ dại,
Ngọn cờ ba sắc có thầy hay.
Văn chương sẵn đó, thêm nhiều mặt,
Kỹ-nghệ rồi ra, sẽ lắm tay.
Xin hãy đừng nôn nhưng chớ chậm,
Mai sau sao nữa cũng từ đây.

41) LÊN CHƠI HƯƠNG-BỘC,

cách thành phố Hà-tịnh chừng 10 cây số. (51 tuổi)

Giong xe đã đến tận chân đèo,
Hương-Bộc là đây cảnh vắng teo.
Vọi vọi mấy hòn non trọc lóc,
Ồ ồ một giải nước trong veo.
Chồi cây mấy tuổi khôn dơm lá,
Cụm đá nghìn thu khéo trổ meo.
Ơi bạn đồng-du ta những kẻ,
Lên cao xin hãy gắng mà leo.

42) TIẾT TRÙNG-DƯƠNG NĂM ĐINH-MÃO Ở HÀ-TỊNH

Xa ngái nhau chi mấy dặm trường,
Gió mưa thêm chạnh tiết Trùng-Dương.
Hoa lau trổ bạc đầu phơi tuyết,
Đóa cúc phai vàng mặt giãi sương.
Trăm giận nghìn thương câu cầm-tác,
Một say mười tỉnh chén tha-hương.
Non Hồng thử dạo lên cho đến,
Bẻ nhánh thù-nhu giữ lấy hương.

(Khi Bố-Chánh Hà-tịnh 51 tuổi)

43) LỜI KHEN CÔ ĐÀO TÊN LÀ TÚ

(51 tuổi)

Mới dây thêm đặng một người thương.
Quê ở Cầm-sơn bạn giáo phường. (1)
Trọ trẹ biết ca bài cổ-bản,
Thanh thao khéo trổ giọng quỳnh-tương.
Sông Lam trăng gió từng quen nẻo,
Đảnh Giáp mây mưa chửa thạo đường.
Nghe có em năm nhà cũng vậy,
Cũng làng quốc-sắc với thiên-hương.

(1) Núi Cầm-Sơn tại làng Cổ-Đạm, Cổ-Đạm là chính chỗ sản xuất các cô đào có danh tiếng.

44) TỊNH THÀNH THU NHỰT NGÂM KHIÊN

(51 tuổi)

Không đờn không lý cũng không ca,
Rượu cũng lơ lơ với nước trà.
Ngãnh mặt về Kinh thôi đã ngại,
Bước chân ra Vịnh hãy còn xa.
Cánh hồng bay bổng sưa nghe tiếng,
Giậu cúc trồng đâu chẳng thấy hoa.
Nhưng rứa may may mà gặp gỡ,
Vu-Hương thi-sĩ bạn nhà ta.

45) TẶNG THẦN-KINH TẠP CHÍ

(Mậu-Thìn, 1928, Tuấn-Vũ Hà-Tịnh, 52 tuổi)

Câu văn lạp-chí của Thần-Kinh,
Nổi tiếng Hương-giang với Ngự-bình.
Châu ngọc xây thêm nền tổ-quốc,
Phong trào kể đến chuyện Hoàn-đinh.
Mối tinh nam bắc vương hai ngã,
Gánh nợ non sông quảy một mình.
Phụng gáy ve ngâm cười lẫn khóc,
Bút hoa tô điểm lại càng xinh.

46) HỌA VẦN THI TẾT CỤ PHƯỚC-MÔN

(52 tuổi)

Cây nêu ngoài ngõ ngó giu-giơ,
Kẻ chán tin xuân kẻ đợi chờ.
Cái ẻn đưa thoi dồn tuổi mới,
Con tằm kéo chỉ vẹn lòng xưa.
Hỏi bao nhiêu tết từng qua lại?
Thưa bốn nghìn năm có lẻ thừa.
Chửa biết mai sau còn mấy nữa,
Tỉnh, say, cười khóc với hơn thua.

47) TRUNG-THU CẢM TÁC

(Kỷ-Tỵ, 1929 58 tuổi)

Nầy tiết Trung-thu đã đến rồi,
Đã trăng tròn đó chị em ơi !
Cành hồng xa ngút tuy hai ngả,
Bóng thỏ soi chung cũng một trời.
Giữa bến Lam-Giang sưa tiếng hát,
Trên lầu Vũ-viện thiếu trò chơi. (1)
Đêm nầy chẳng khác đêm năm ngoái,
Sao mối tơ sầu buộc chẳng lơi.

(1) Vì lúc ấy có những cuộc biểu tình nổi lên ở Hà-Tịnh, nên có vẻ buồn.

48) VỊNH NGUYỆT

(Điệp vận Trung-thu số 47)

Đã bấy nhiêu thu gặp gỡ rồi,
Không quen cũng biết chị Hằng ơi.
Phủ vành non nước đi quanh đất,
Mấy độ tinh sương đứng giữa trời.
Thằng Cội theo dòi e cũng chán,
Ông Tơ kết bạn để mà chơi.
Thêm cười một nỗi xe dây thắm,
Đem buộc vào ai nấy chẳng lơi.

49) THU NHẬT KÝ HOÀI NẠI-VIÊN TIÊN-SANH (53 tuổi)

Hơi thu thoảng thoảng chạnh quê nhà,
Nhớ khách tao-đàn bạn cũ ta.
Vườn mít năm nay thêm mấy quả? (1)
Cúc vàng cành mới chắc nhiều hoa. (2)
Sẵn vần tuyệt-xướng cho ngâm với,
Kẻo nợ si-tình khó gỡ ra.
Đề tặng tám câu sau bảy chữ:
« Khương cường thọ khảo phước hà sa ».

(1) Nại nghĩa là cây mít, Tiên sanh hiệu là Nại-viên, nên gọi là vườn mít.
(2) Tiên sanh mới về hưu, nên hỏi đến cúc vàng.

50) ĐIẾU-LẠC-THIỀU,

là Công-Tôn trong phòng tôi, mới hai mươi tuổi, đậu Tham-Tá vừa từ trần.

(Họa vần ông Vu-Hương)

Trông cuộc phù-sanh luống hổi ôi!
Thôi thôi đã thế vậy thời thôi.
Bức tranh học-sĩ còn treo đó,
Ngọn cỏ Vương-tôn đã héo rồi.
Nửa sạt ăn-ăn mà nói-nói,
Thẻ khi chựng-chựng với tôi-tôi.
Những mong như đá vẫn không chuyển,
Ai ngờ bèo trôi đá cũng trôi.

51) KÍNH ĐIẾU MỘ CỤ NGUYỄN-DU TẠI LÀNG TIÊN-ĐIỀN. (53 tuổi)

Áo xiêm triều Nguyễn lúc khai-ky, 開基
Chạnh nỗi Lê-vong đã thế thi! 黎亡
Sóng vỗ sông Lam mòi Ngụ-Tử, (1)
Mây giăng ngàn Hống hạc Đinh-Uy.
Bể dâu một cuộc đời không mấy,
Hương lửa ba sanh bạn thiếu gi.
Hồn cụ có thiêng e cũng biết,
Văn chương quốc-ngữ chuyện đời ni.

(1) Sông Lam là Lam-giang. Mòi Ngụ-Tử là diễn Ngụ-Tử-Tư trào, trào là sóng, mòi là ngọn sóng, là hồn thiêng của ông Ngụ-Tử-Tư.

(2) Ngàn Hống là Hồng-sơn, mộ cụ táng tại làng Tiên-Điền, phía bắc chân núi Hồng-sơn, giáp bờ sông Lam-giang về phía nam. Hạc Đinh-Uy, là diễn Đinh-lệnh-Uy hóa hạc về đậu trên trụ biểu, mà xem thành-quách nhơn-dân.

52) CẢNH HÀ-NỘI. (53 tuổi)

Núi Nồng sông Nhĩ ngó hây hây,
Ba bốn nghìn năm cảnh vật nầy.
Thành quách Trần Lê xưa ở đó,
Tàu bè Âu Mỹ mới mò đây.
Cũng phường với phố đương qua lại,
Mà lợi cùng danh lắm đổi thay.
Hồ Kiếm thử dừng xem một chốc,
Nước trong như cũ đá còn xây.

53) TIẾT TRÙNG-DƯƠNG CẢM TÁC. (53 tuổi)

Ù' tiết Trung-thu đã quá rồi,
Trùng-dương nay cũng nhác đi chơi.
Lạc bầy tiếng nhạn nghe xao xác,
Vỡ ổ chòm ong ngó tả tơi.
Cười khóc những câu thi xướng họa,
Tỉnh say trong chén rượu đầy vơi.
Lau già, trúc vọ, mai đua nở,
Xuân đã gần đây đã tới nơi.

Tiểu chú : Vì lúc ấy có những cuộc biểu-tình nổi lên ở Nghệ-Tịnh, nên gặp thời tiết đáng vui mà hóa ra cảnh buồn.

54) ĐƯỜNG NA-BẸ

(là con đường từ Vịnh qua Hà-Tịnh chỉ lên hướng tây mà qua nước Lào)

Trải khắp non sông một tỉnh nầy,
Ngả đường Na-Bẹ mới qua đây.
Trước sao cả núi sau đều núi!
Trên những là cây dưới cũng cây!
Năm động bảy đèo lên với xuống,
Trăm khe ngàn suối chuyển rồi xây.
Cõi Lào đất Việt phương Đông-Á,
Mà bản phàn-cương viết chữ Tây.

(53 tuổi)

55) HỌA VẦN THI ÔNG LỖ-THÀNH, THÀN-TRỌNG-NGẬT,

Bố-chánh Hà-tịnh đổi vô Bố-chánh Quảng-nam, mà khi ấy tôi cũng cáo về Huế nghỉ ba tháng, nên tiệc rượu ấy thành ra hai người tiễn nhau. (54 tuổi)

Chén rượu quan-hà rót bữa nay,
Là đây tiễn đó đó đưa đây.
Thành Xuân ngảnh mặt vui non nước,
Ngàn Hống xây lưng nhớ cỏ cây.
Yến bắc nhàn nam tuy khác ngã,
Quạ đen cò trắng chẳng quên bầy.
Bánh xe danh-lợi còn xoay mãi,
Vì nợ phong-trần hãy cứ xoay.

56) ĐƯA ÔNG TÁO VỀ TRỜI

(Họa vần cụ Mã-Phong)

Ông Táo này ông tuổi mấy mươi?
Mỗi năm ông mỗi đặng chầu trời.
Trước ngai Thượng-Đế nhìn quen lạ?
Mà chuyện nhơn-gian kể vấn dài?
Cơm nấu không sôi ngu có kẻ,
Nồi rang khi bể tội vì ai?
Ngò nghê có một vài câu hỏi,
Lễ bạc lòng thành chẳng dám sai.

57) PHÚ-YÊN, GỞI VỀ HUẾ THĂM

(Tân-vị 1931, Tuần-Vũ Phú-Yên, 55 tuổi)

O'i người ở Huế biết hay không ?
Cảnh Phú-Yên đây quá lạ lùng.
Sóng dợn lao xao miền Vũng-Lấm,
Bụi bay nghi ngút ải Cù-Mông.
Lựa tay tri-kỷ còn dương hiếm,
Nhìn mặt đa-tình ngó cũng dòng.
Mấy chữ xin đưa về Nội-Lách. (1)
Gọi câu thăm viếng tưởng rồi trông.

(1) Nội-Lách là làng Vỹ-dạ, dạ nghĩa là đồng-nội, Vĩ nghĩa là lau lách.

58) HỌA VẦN THI ÔNG PHAN-KỈNH-CHĨ Ở KONTUM GỞI THĂM. (55 tuổi)

Ôm cột cam đành tủi với nhau,
Riêng than lại nhớ kẻ qua cầu.
Bởi dày hội-ngộ dằng lơi múi,
Nên gánh tương-tư quẩy nặng bầu.
Tức giận đã từng khi ném bút,
Chạnh lòng cũng có lúc rơi châu.
Đào hay kép lựa chia hai ngả,
Rạp hát năm xưa lửng tiếng chầu.

59) HỌA VẦN VÀ TẠ ƠN ÔNG PHAN-KỈNH-CHỈ Ở KONTUM VÀO PHÚ-YÊN THĂM TÔI. (55 tuổi)

O'n ai không ngại nỗi xa đưởng,
Biết lấy chi mà ngỏ tấm thương.
Nọ nước nầy non xe Nguyễn-Tịch,
Lên đèo xuống ải ngựa Vương-Lương.
Đóa hoa Thượng-Uyển dầu phai sắc,
Cốc rượu Lan-Đình chửa kém hương.
Đã trót yêu nhau, ử cạn chén,
Ơn ai không ngại nỗi xa đưởng.

60) TIẾT TRÙNG-DƯƠNG Ở PHÚ-YÊN. (55 tuổi)

Năm ngoái Trùng-dương đỉnh núi Hồng, (1)
Năm nay lại đỉnh núi Cù-Mông. (2)
Nhành ngô đã muộn khi thay lá,
Cụm lách bưa vừa tiết trổ bông.
Gẩy khúc Nam-cai thèm chạnh nhớ,
Ngâm câu Đưởng-Đệ những ngùi trông.
Non xưa cảnh cũ nhìn quen lạ, (3)
Ai khách mà ai lại chủ ông. (4)

(1, 2) Vì năm 1930 Tuần-vũ Hà-tịnh, năm 1931 Tuần-vũ Phú-yên.

(3, 4) Năm Giáp-thân, Công-tử tôn phủ Tuy-Lý chúng tôi bị an trí vô các tỉnh miền nam, khi ấy tôi phải ở tại Phú-yên là khi mới 7 tuổi; nay năm mươi lăm tuổi lại làm Tuần-vũ tỉnh nầy, nên ghi lại cho nhớ tiểu-sử.

61) ĐÊM TRỪ TỊCH

(Nhâm-Thân. 1932. Phủ-Doãn Thừa-Thiên. 56 tuổi)

Tin xuân tiếng lói nổ bên thềm,
Thức dậy tưng bừng sửa áo xiêm.
Đôi kẻo xấp râu cho trẻ lại,
Giở gương soi mặt tẻ già thêm.
Câu thi đỡ thẹn chào năm mới,
Cốc rượu mua cười sướng cả đêm.
Dầu chẳng khôn qua xin chớ dại,
Theo lề lối cũ cứ êm êm.

62) Ngày mồng tám tháng năm, năm Nhâm-Thân

ĐI CHƠI MAI-LẢNH

với ông Phan-văn-Hy, Ưng-Ân, (tức mệ Vui) Ưng-Bộ, Ưng-Gia, Ưng-Tôn, Cung-quang-Địch, Nguyễn thành-Hưng và tôi là Ưng-Bình tám người, lại có ba người ca-nhi nữa, không nói tên. (8 câu thi sau này chỉ có tên tám người đồng du thôi).

Hy-Hoàng xưa chẳng khác chi nay,
Vui thú non Mai cảnh đẹp này.
Đường bộ đá mềm đi thẳng đó,
Cây gia bến cũ lại ngồi đây.
Vở tuồng Lộ-Địch nghe không chán,
Bầu rượu Vương-Tôn uống dễ say.
Ử cuộc hưng-vong thôi chớ kể,
Thăng-bình một khúc gảy làm khuây.

(56 tuổi)

63) BUỔI CHIỀU ĐI DẠO BỜ SÔNG TỨC CẢNH
(56 tuổi)

Cảm thương danh-lợi cả hai thằng,
Kẻ chống người chèo bộ xí xăng.
Ghét cụm bèo trôi che bóng nước,
Giận chòm mây nổi khuất vành trăng.
Chim khôn nhát bẫy nhìn không đậu,
Cá dại ham mồi thấy phải ăn. (1)
Câu hát bên sông thêm chạnh nỗi,
Ông chài lơ lửng có nghe chăng !

(1) Bốn vần kia có chữ **G** nằm sau, mà vần ăn không có chữ **G** là chưa đúng luật thi. Xin độc-giả phủ chánh.

64) HỌA VẦN NGẪU-TÁC CỦA NỮ THI-SĨ
(56 tuổi)

Đi về tin nhạn đón rồi đưa,
Từ lúc quen nhau dẫn đến giờ.
Tội nghiệp cho mình ham kiếm chữ,
Theo đòi với bạn biết làm thơ.
Nghe qua mấy luật còn ghi mãi,
Họa lại đôi vần mới thảo sơ.
Dầu có câu hay khuyên điểm với,
Có câu chi đại giả đò lơ.

65) QUA CẦU LANG-CÔ

(Họa vần Phước-Môn tiên-sanh)

Từ thuở Lang-cô mới bắt cầu,
Qua cầu lại nhớ những đàu dầu :
Nhớ cây gia cũ con đò trạm,
Nhớ ải vân xưa đội lính hầu.
Cồi áo cho nhau chi xiết nỗi,
Kéo neo mà chạy nữa vì đâu.
Kể bao nhiêu dịp sầu thêm bấy,
Bước trước xin dìu kẻ bước sau.

(56 tuổi)

KINH TRIỆU DOẪN VỀ HƯU

(Quí-Dậu, 1933, 57 tuổi)

66) Bài thứ nhất

Biển rộng thuyền con đã đến bờ,
Ơn trời mạnh khỏe sướng cho chơ.
Thay xe Thủ-Hiến cở Kinh-Triệu,
Gài áo Hưu-Quan thể Thượng-Thơ. (1)
Chén rượu hoan nghinh cười hã hã,
Vần thi lưu-giản nói sơ sơ :
« Tuổi nhiều sức ít lui đi phải,
« Đi tới ai sau khỏi đợi chờ ».

(1) Vì thăng hàm Thượng-Thơ trí-sĩ, nhà-nước có cấp cho cái bài ngà.

67) Bài thứ hai

Ba chục năm dư biển hoạn rồi,
Khỏi cơn giông tố vậy thời thôi.
Thuyền quay đến bến neo neo lại,
Ngựa trở về non bước bước lui.
Men lợi danh nghiền lâu khó bỏ,
Cảnh điền viên sắm sẵn mà chơi.
Sông Hương Nội-Lách nền thi-xã,
Cũng lắm dinh hưu lắm chuyện vui.

68) LÂU NGÀY MỚI THẤY LẠI XỨ HUẾ

(Qui-Dậu, 1933, 57 tuổi)

Ô' xa đất Huế chục năm thừa,
Trở lại ngày nay cảnh khác xưa.
Cái đại Trường-Tiền đâu chẳng thấy, (1)
Nóc nhà Thương-Bạc hãi còn lưa.
Quan Tham quan Thị chào không xiết,
Ông Cống ông Nghè ngó đã sưa.
Thêm rạp Cải-lương đào kép mới,
Ai ơi có rõ mẹo tuồng chưa ?

(1) Đường phố Paul Bert với chỗ chợ Đông-Ba nguyên trước là dám đất hoang để đúc tiền, gọi là cái đại Trường-tiền.

69) HỌA VẦN THI EM THUC-THUYÊN

Thượng-Thơ tri-sự, đải tiệc các quan hưu và các anh em tại Tiểu-bồ biệt-da. (57 tuổi)

Sông Hương lại đỗ chiếc thuyền tinh,
Biển hoạn đà êm sóng lợi danh.
Bữa yến Phương-Viên mùi nhã-đạm,
Bức đồ Lạc-xã nét đơn-thanh.
Tuyết sương đã đến khi đầu bạc,
Bạn tác càng nhiều kẻ mắt xanh.
Rượu tốt thi hay, lòng cũng thảo,
Tiệc vui vui mãi với em mình.

70) HỌA VẦN THI TRÍ-CHÁNH LƯU-GIẢN CỦA TANG-PHỐ TIÊN-SANH,

tức là cụ Phạm-Liệu. Thượng-Thơ Bộ Binh. (57 tuổi)

Cát-Đằng thuận nẻo gió xuân đưa,
Hiển-hoạn cao-khoa rửa đã vừa.
Chén rượu thích-binh thôi gánh nặng. 釋兵
Câu thi thối-lỗ dẹp nghề xưa. 退虜
Đài Mây tượng dựng sau rồi sẽ,
Ngàn Hống bia xây, trước vẫn lưa. (1)
Ra hẳn khác đường về một lối,
Vầy duyên Ngũ-Lão ngỏ xinh chưa. (2)

(1) Vì trước có làm Tổng-Đốc Nghệ-An.
(2) Về với Cụ Nguyễn-hữu-Bài, Cụ Võ-Liêm, Cụ Tôn-thất-Đàn và Cụ Vương-tứ-Đại một lần.

71) HỌA BÀI THI TRÍ CHÁNH LƯU-GIẢN CỦA THẦN-PHÁP TIÊN-SANH,

tức là Cụ Vương-tử-Đại, Thượng-Thơ Bộ Công. (57 tuổi)

Hai chữ qui hưu nghĩa thế nào ?
Qui về hưu nghỉ đó hay sao ?
Lợt nồng chén rượu người say tỉnh,
Đen đỏ bàn cờ nước thấp cao.
Lui bước non quê tinh cựu-võ,
Nghiêng tai biển rộng tiếng tân-chào.
Chưa thu, đã chạnh mùi thu-hứng,
Rau sẵn vườn xưa cá sẵn ao.

HỌA HAI BÀI THI TRÍ CHÁNH LƯU-GIẢN CỦA LẠC-VIÊN TIÊN-SANH,

tức là Cụ Tôn-thất-Dàn Thượng-Thư Bộ Hình. (57 tuổi)

72) Bài thứ nhất

Thấy khúc Dương-Xuân cảm lại mừng,
Nối điều nghề mọn cũng xin vâng.
Lăm đền chẳng xiết ơn quân-phụ,
Muốn gở sao rồi nợ quốc-dân.
Gọi bước Xi-Di là phải phải, 鴟夷
Trải gan Trường-Dụ cứ khăng khăng. 長孺
Khuây khoa chuyện cũ thôi đừng nói,
Nói chuyện nhàn chơi khỏe cái thân.

Tiểu chú : Bài nầy vần chưa được đúng nhưng họa vần phải theo vần.

73) Bài thứ hai (*thủ vĩ ngâm*)

Ngõ lời tâm sự bấy lâu nay,
Muốn gạt không lưng lắc cứ dầy.
Nặng gánh Tam-Lư sương mãi mãi, 三閭
Cạn bầu Ngũ-Liễu nhấm say say. 五柳
Cái nền lục-dạ xây đà sẵn, 綠野
Giấc mộng huỳnh-lương tỉnh mới hay. 黃粱
Tròn nghĩa ý-thân công tể-phụ,
Ngõ lời làm sự bấy lâu nay.

74) TẾT NĂM GIÁP-TUẤT,
(1934, năm mới về hưu, 58 tuổi)

Tết mấy năm xưa ở tỉnh-đường,
Ngày rày ăn Tết ở gia-hương.
Ba-La lễ Phật chùa quan Bố, (1)
Gia-Lạc chen người chợ đức Vương. (2)
Mũi áo Bông-Bay chưng lắm vẻ, (3)
Nước hoa Viễn-Đệ có mười thương. (4)
Chuyện đời mới mãi theo năm mới,
Nhưng cũng trong vòng sắc với hương.

(1) Chùa Ba-La là chùa của quan Bố-Chánh Nguyễn-khoa-Luận.

(2) Chợ Gia-Lạc là chợ của ngài Định-Viễn-Vương. Cái chùa ấy và cái chợ ấy đều ở gần nhà tôi, vả lại chợ Gia-Lạc một năm chỉ đông một ngày mồng một Tết mà thôi.

(3) Ngày Tết ấy, đồ phục sức thời phần nhiều là hàng Bông-bay (của người Ấn-Độ mới bán), vì giá rẻ mà nhiều sắc đẹp.

(4) Viễn-Đệ là cháu tằng-tôn của Ngài Định-Viễn-Vương, ông ấy là chủ dầu Khuynh-Diệp, lại có thứ nước hoa gọi là Mười-Thương, ve nhỏ bỏ túi đi chơi xuân tiện lắm.

75) HỌA VẦN THI LƯU-GIẢN CỦA HỒ-ĐẮC-HÀM TIÊN-SANH,

Tham Tri bộ Học thăng hàm Thượng-Thơ về hưu. (58 tuổi)

Tôi về trước bác một năm nay,
Câu chuyện xin thưa bác rõ nầy:
Gặp chú quan hưu đều bạn cũ,
Không bầu rượu lạt cũng thơ hay.
Khỏe đi ăn tiệc rồi coi hát,
Rảnh lại trồng hoa với tỉa cây.
Lang-miếu giang-hồ đâu cũng vậy,
Cũng nhà con thảo nước tôi ngay.

HỌC TRÒ CÁC TRƯỜNG Ở XUÂN-KINH CẦM CỜ ĐI VỚI BẠN HƯỚNG-ĐẠO,

chúc mừng lễ Vạn-thọ, ngày 23, tháng 9, năm Giáp-Tuất. (58 tuổi)

76) Bài thứ nhất

Mùa thu tháng chín bữa hăm ba,
Vạn-thọ mừng xem lễ nước nhà:
Mủi áo Công-Khanh xưa để lại,
Ngọn cờ Sĩ-Tử mới bày ra.
Chen vai Hướng-đạo lần chân bước,
Giỏi khúc Văn-Minh dẫy tiếng ca.
Già trẻ cũng đồng dân một nước,
Muôn năm xin chúc tuổi Hoàng-gia.

77) Bài thứ hai

Xa xa trông thấy đỏ xen vàng,
Lễ học trò dàng sự mới mang.
Nhẹ bước nâng cao cờ Tổ-quốc,
Chen mình chúc hạ cửa Quân-vương.
Áo xiêm văn võ nhìn thêm rạng,
Con cháu Tiên Rồng ngó dễ thương.
Ngay thảo theo con đường giáo-dục,
Ấy là sự-nghiệp ấy văn-chương.

78) KHUYÊN HỌC PHẬT. (58 tuổi)

Đường danh nẻo lợi ngó đòng đòng,
Chen chúc nhau chi đám bụi hồng.
Kia bóng bạch-câu qua chẳng lại, 白駒
Nọ tranh thương-cẩu có rồi không. 蒼狗
Dở cười dở khóc trên sân khấu,
Khi nở khi tàn mấy cụm bông.
Sao kiếp phù-sanh cho khỏi lụy,
Quyển Kinh câu kệ chớ nài công.

79) TẾT NĂM ẤT-HỢI

(1935, khi hưu-trí, 59 tuổi)

Tuất trở lui về Hợi bước sang,
Non sông rực rỡ bóng thiều-quang.
Hương lồng giải áo chưa phai lợt,
Tuyết nhuộm chòm râu khéo điểm trang.
Mừng tết dán thêm câu liễn đỏ,
Tin xuân nở lại nhành mai vàng.
Năm nầy chẳng khác chi năm ngoái,
Khác một người con mới bổ quan. (1)

(1) Câu kết bổ vận quan, theo phép bổ vận thời không đúng, vì bốn vận trên : sang. quang, trang, vàng, đều thuộc vận Thất-Dương, mà chữ quan là thuộc về vận Thập-tứ-Hàn, không có chữ G nằm sau ; trông mong độc-giả nhuận chánh và phẩm-bình cho vui.

80) HỌA BÀI THI NĂM MỚI

của Châu-khuê tiên-sanh, Hiệp-tá Ưng-Đồng. (59 tuổi)

Hoa đào cợt gió liễu giăng tơ,
Gặp chúa xuân đâu dám hững hờ.
Thăm viếng nhau không người ở bạc,
Ăn chơi cũng lắm chuyện tinh cờ.
Giựt mình đứa trẻ châm phong pháo,
Vách mấy thầy nho mở túi thơ.
Vận cũ chúc mừng năm mới tới,
Ngâm qua nhớ lại cảnh giao-thừa.

81) ĐỀ NHÀ MÁT TRẠC-ANH ĐÌNH,

ở Vỹ-Dạ sông Hương-Giang. (59 tuổi)

Dưới nước trên mây giữa cái nhà,
Cuộc phong-lưu chiếm cả vừa ba.
Cỏ cây cồn Hến xoay đầu lại, (1)
Trăng gió trông Ngao gióng mũi qua. (2)
Sóng ngã đâu là người đỡ sóng,
Hoa trôi e lắm kẻ tìm hoa.
Thương-Lang khúc cũ ta còn nhớ,
Khi bác chài ca, ta cũng ca.

(1) Cái cồn nổi giữa sông Hương gọi là cồn Hến.
(2) Thứ thuyền đưa khách đi chơi ở sông Hương là đò Dọc với tròng Ngao.

82) NGÀY TẾT NĂM BÍNH-TÝ

(1936, 60 tuổi)

Mỗi năm thoi én mỗi đưa đồn,
Rạng bóng thiều-quang về nước non.
Giời phấn văn-minh em rủ chị,
Ra trường khiêu-vũ bố thua con.
Tro tàn chữ Hán nhen còn đượm,
Rượu lạt nhà nho uống cũng ngon.
Ngay thảo khuyên nhau chừng nấy chuyện,
Dám đâu tóc bạc đổi lòng son.

83) SÁU MƯƠI TUỔI TỰ THỌ

(Bính-Tý, 1936)

Cung đàn hạ-thọ gảy lưng tưng,
Ít chuyện ăn năn cũng đáng mừng.
Chợt thấy nồi kê khi mở mắt,
Tức cười bát gạo thuở cong lưng.
Cúc vàng liễu lục vun càng khéo,
Quế dượm lan thơm nở có chừng.
Chỉ một nghề chơi thua chúng bạn,
Thanh-bình điệu cũ tớ còn ưng.

84) HỌA VẦN THI LỤC THẬP TỰ THỌ CỦA MÍNH-VIÊN TIỀN-SANH

(tức là Cụ Hoàng-thúc-Kháng, ông chủ bút báo Tiếng-Dân)

Nước xanh xanh mãi núi không già,
Vách mảy thầy nho tra chẳng tra.
Lấy tủ sách xưa còn để lại,
Dọn hàng báo mới cũng đông mà.
Ngày sanh đã nhớ xuân năm Tỷ, (1)
Bút sử đừng quên nhuận tháng ba. (2)
Chút nghĩa đồng-canh thi xướng họa, (3)
Mừng nhau đôi chữ nói qua qua.

(1), (2) Vì năm Bính-Tý có tháng ba nhuận.

(3) Năm ấy tôi cũng 60 tuổi, cũng bạn đồng-canh.

85) VIẾNG CẢNH VẬT HUYỆN HÒA-VANG VÀ ĐẤT HÀNG,

Ngày tháng ba nhuận năm Binh-Tý. (60 tuổi)

Tôi đã tầng mang ấn huyện-đàng,
Ba mươi năm trước ở Hòa-Vang.
Duyên xưa tuyết đã phơi đầu bạc, (1)
Xuân muộn mai đương trổ cánh vàng. (2)
Cam-Lộ mở thêm đường cái rộng,
Hà-Thân chưa đổi bến đò ngang.
Khi minh trở lại vui vui với,
Thiếu một người thương ở đất Hàng. (3)

(1) Vì khi tôi đến huyện Hòa-vang thăm, gặp mấy ông tổng-lý ngày xưa đến chào, đều đã đầu râu tóc bạc.

(2) Khi tôi vô chơi đó là cuối tháng ba nhuận, mà mai trước Huyện còn nở.

(3) Người thương là ông Hoàng-ngọc-Thanh, Hồng-lô-tự-khanh, người có tiếng hào hoa ở đất Hàng mới tạ thế.

86) NHỚ CẢNH NHỚ NGƯỜI (60 tuổi)

Nhớ đình Việt-Hải nhớ Lăng-Ba, (1)
Nhớ Đốc-tơ Phan, Thái-Thú Hà. (2)
Với dạng người chi vô đó nữa, (3)
Theo minh bữa nớ cả vừa ba.
Ghẹo Xuân vườn Túy oanh kêu mỏi,
Thẳng cánh non Hồng én liệng xa. (4)
Cũng một trò chơi nhưng hiếm có,
Phải thương nhau với bạn tài-hoa.

(1) Đình Việt-Hải là đình của ông Tri-phủ Triệu-phong, tên là Hà-Ngại tự Thiếu-Trai, làm tại cửa Việt.

(2) Lăng-Ba là cái nhà bè của ông Đốc-tơ Phan-văn-Hy, tự Kinh-Chỉ, tại sông Hảng-giang, ở Quảng-trị.

(3) Dạng người, là Tuyết-Ngọc ca-cơ.

(4) Khi ấy Tuyết-Ngọc đã về Nghệ rồi, ưng nghe hát mà tim không được, nên kể chuyện lại cho Thiếu-Trai và Kinh-Chỉ liệt thi ông hay.

NGÀY THÁNG NĂM, NĂM BÍNH-TÝ ĐI CHƠI ĐỘNG PHONG-NHA, TỨC LÀ CHÙA HANG Ở QUẢNG-BÌNH. (60 tuổi)

87) Bài thứ nhất

Gọi tiếng chùa Hang ở chốn này,
Mười lăm năm trước đã vào đây. (1)
Rêu in cửa động nhìn thêm vẻ,
Mà cội bồ-đề chẳng đổi thay.

(1) Lúc trước tôi làm Án-sát Quảng-bình có đi chơi một lần.

88) Bài thứ hai

Trong động Phong-Nha lắm vẻ kỳ,
Ai xây ai đắp khéo làm ri.
Hay là bác Khổng-Lồ ta trước,
Lượm đá Oa-Hoàng đến chỗ ni.

89) Bài thứ ba

E động Thiên-Thai cũng chốn nầy,
E chàng Lưu, Nguyễn có vô đây.
Lạc đường ta khỏi như ai trước,
Không gặp tiên là rủi hóa may.

90) Bài thứ tư

Đ ộng tiên sao chẳng thấy người tiên,
Chỉ thấy ông Ngư vợi chiếc thuyền.
Hỏi tuổi thì ông không biết tuổi, (1)
Hỏi duyên ông cũng bận trần duyên. (2)

(1, 2) Nhơn có ông chài tướng mạo râu ria dẹp đẻ, lạu chiếc thuyền con cho chúng tôi vảo động, tôi hỏi ông mấy tuổi, ông nói rằng không nhớ tuổi ; lại hỏi ông có vợ không, ông nói rằng một vợ với hai hầu, mà người hầu thứ hai đương nằm nơi.

91) ĐỌC BÁO VIÊN-ÂM

(Bính-Tý, 60 tuổi)

Gió lọt song sa tỏa khói trầm,
Một mình với một quyển Viên-Âm.
Trang này đọc hết qua trang khác,
Chữ Phật theo đòi với chữ tâm.
Viên đá ba-sanh nhìn mưởng tượng,
Thẻ hương mười-nguyện vái làm dâm.
Sẵn đài minh-kỉnh xin soi dạ,
Hoa nở trong gương dạ chớ lầm.

92) THẤT TỊCH

(Bính-Tý, 1936, 60 tuổi)

Cầu Ô đã bắt chị em ôi!
Thu mới qua đây trở lại rồi.
Gió lọt nhành ngô toan đổ lá,
Mưa sa chẹn cúc ướm đâm chồi.
Giữa sông Ngân-Hán tình Ngưu, Nữ,
Trong điện Trường-sanh nghĩa chúa, tôi.
Lựa vở tuồng xưa đêm thất-tịch,
Kèu đào kép mới diễn coi chơi.

93) THĂM MỘ QUAN HẬU-QUẢN VÕ-TÁNH

Ngày 9 tháng 7 năm Bính-Tý (1936, 60 tuổi)

Tro lầu Bát-Giác chẳng còn lưa,
Trăm mấy mươi năm có lẽ thừa.
Lên cảnh núi Bàn-thành thuở trước, (1)
Thăm mồ Cụ Võ-Tánh ngày xưa. (2)
Tiếng ca Quan-Hậu còn nghe mãi, (3)
Tầng tháp non-tiên đã thấy chưa ! (4)
Qua lại lâu nay người điếu-cổ,
Hỏi ai chan chứa lụy đường mưa.

(1, 2) Đồ Bàn-Thành nguyên là Đô-Thành của vua Chàm thuở trước, cách tỉnh thành Bình-Định 5 cây số, khi cụ Võ-Tánh giữ thành chống với Tây-Sơn tại đó, cụ lên giàng hỏa tại lầu Bát-giác tử tiết tại đó, phần mộ Cụ cũng an táng tại đó.

(3, 4) *Có câu ca rằng :* « Trông lên hòn tháp Cảnh-Tiên, nhớ công Quan Hậu thủ thiềng ba năm ». Vì chỗ Bàn-Thành ấy có cái tháp Chàm gọi là tháp Cảnh-Tiên, gần bên lăng Cụ Võ-Tánh.

94) TRÙNG-DƯƠNG NĂM BÍNH-TÝ

(1936, 60 tuổi)

Trùng-Dương năm ngoái chẳng đi chơi,
Chơi bữa hôm nay đặng tốt trời.
Kiếm bạn làm thi không mấy kẻ,
Theo mình hái cúc những là ai !
Thấy ông sư-phụ dừng chân hỏi, (1)
Gặp chú vương-tôn mở miệng cười. (2)
Dìu dắt tay nhau lên đỉnh núi,
Thu già mà ngó cũng vui vui.

(1) Sư-phụ là đại-sư chùa Từ-quang.
(2) Vương-tôn là ông Bửu-Bác, trợ giáo, Công-tằng-tôn phòng Tùng-thiện vương.

95) BỮA CƠM TẠI BẾN ĐÒ SÔNG GIANH

(Kỳ tháng mười một năm Binh-Tý, 1936. đi xe điện ra xem Hội-chợ Hanoï, bạn đồng du là hai vợ chồng ông Đỗ-Phong, bà đốc Sử với mệ Phùng-Xuân. Buổi mai sớm khỉ hành, đúng trưa đến bến đò sông Gianh, dừng lại, dùng cơm trưa).

Ngoài hai trăm dặm bữa cơm trưa, (1)
Trên bải sông Gianh cận xóm Dừa. (2)
Bác quán không quên ông khách cũ, (3)
Con đò vẫn đậu bến năm xưa
Phong ba nhớ thuở mình qua lại,
Danh lợi là đây chỗ đón đưa. (4)
Nay đã bước sang đời lãng-mạn,
Mặc dầu nam bắc thú vui ưa.

(1) Từ Huế ra đến sông Gianh độ hai trăm ki-lô-mét, tạm gọi là hai trăm dặm.

(2) Có xóm dừa là chỗ trồng nhiều dừa, gần đó.

(3) Khi vô quán thì chủ quán mời tiếp tử tế lắm, bà Đốc Sử chỉ tôi mà hỏi chủ quán rằng có biết ông cụ lớn tuổi đó là ai không? Người quán thưa rằng con biết Cụ ngày trước cụ có làm An-Sát tỉnh Quảng-Bình con đây.

(4) Ngày trước tôi làm An-sát Quảng-bình, năng ra sông Gianh đưa đón các thượng quan, nhiều khi phong ba nguy hiểm. Nay về hưu được đi chơi giới tự-do, nên thấy cảnh xưa mà nhắc lại.

96) TIẾT TRỌNG ĐỒNG DẠO CHƠI HÀ-NỘI

(Binh-Tý, 1936, 60 tuổi)

Hỏi tiết bưa vừa tiết trọng-đông,
Ở nơi Long-quận rét như đồng.
Theo đoàn trẻ dạo đi chơi với, (1)
Thử sức già coi có mạnh không.
Làm khách cũng chung phiên hội chợ, (2)
Hơn ai là thấy cảnh vườn bông. (3)
Chả lo chi lạnh choàng thêm áo,
Sẵn quán Đông-hưng cốc rượu nồng. (4)

(1) Đoàn trẻ là mấy người em và cháu tôi.

(2) Hội chợ phiên thứ 13 ở Hà-nội.

(3) Vườn bông là vườn của quan kỹ-sư nông-chánh tại làng Ngọc-Hà gần đô thành Hà-nội. Vườn ấy đủ các thứ hoa lá rực rỡ, mà đường sá đi qua lại trong vườn để xem hoa rất ngay thẳng, rất đẹp ; không thấy một cái hoa rụng, một cái lá rụng ở trên bồn hoa, hay ở giữa đường đi đó, chúng tôi tình cờ được vào xem, ấy là sự du-lãm mà có nhãn-phước đặc-biệt. Nên có bài thi tả cảnh nầy.

(4) Đông-Hưng là cái tửu-quán của người Trung-Hoa có danh tiếng đã lâu năm ở Hà-nội.

97) TẾT NĂM ĐINH-SỬU

(1937, 61 tuổi)

Giã nơi Kinh-Triệu bốn năm tròn,
Vách mảy đình hưu chén rượu ngon.
Xem báo Tràng-An nhiều bạn cũ, (1)
Diễn tuồng Lộ-Địch có đào non. (2)
Áo Vương-tôn chửa pha màu mực,
Thẻ Thượng-Thơ còn thắm chữ son.
Mừng rước chúa xuân ưng hỏi chuyện,
Hỏi ra e dại nín là khôn.

(1) Vì Tết năm ấy báo Tràng-An có đăng tên những người ham học và ham vui nghề làm thi, mà những người ấy tôi cũng được quen.

(2) Ngày mồng 4 tháng giêng khai diễn tuồng Lộ-Địch, là tuồng của tôi làm, có cô đào tên là Hạnh, 18 tuổi sắm vai Chi-Manh giỏi lắm.

98) HAI CÔ THIẾU NỮ NÓI CHUYỆN PHỤC SỨC NGÀY TẾT.

(61 tuổi)

Người khoe cụm lá kẻ khoe bông,
Cũng áo lơ-mưa bộ nút lồng.
Xủ chéo chị ưng xòe cánh bướm,
Gài khuy em khéo trổ lưng ong.
Phấn son ngẫm lại tuy nhiều vẻ,
Non nước yêu nhau vẫn một lòng.
Ra trước vũ-đài xuân mấy độ,
Ham vui quên lũng chuyện chưa chồng.

99) CẢNH MỚI NHÀ THƯƠNG BẠC

(61 tuổi)

Thuở thầy Đại-Pháp mới sang chơi,
Thương-bạc là đây chỗ rước mời.
Vỏng bác Thượng-thư ra trước bến,
Thuyền ông Nguyên-soái đậu ngoài khơi.
Giáng-hòa mực ký xong hai chữ,
Bảo-hộ cờ treo đã sáu đời.
Nhớ lại tích xưa vì cảnh mới, (1)
Vì hoa khoe thắm liễu khoe tươi.

(1) Nhà Thương-Bạc làm từ đời vua Tự-Đức, để tiếp sứ ngoại quốc đến thương thuyết ; cái nhà dựng trước cửa Đông-Nam, kinh-thành Huế, gần bến sông Hương-giang. Từ khi có qui Đại-Pháp bảo hộ đến giờ, thời việc thương-thuyết đều tại viện Cơ-Mật ở trong thành ; nhà Thương-bạc bỏ hoang, chung quanh nhà đầy những lau với cỏ, năm 1936 Chánh phủ làm lại cái nhà ấy đẹp lắm và chung quanh trồng nhiều hoa thảo rất ngoạn mục, thành ra một cái vườn thượng-uyển ở thần-kinh.

100) TÌNH ĐỜI

(Họa văn vô-danh thị, mà cũng lãnh ý vô-danh thị mà nói)

Ngao ngán tình đời đã chướng chưa !
Lợi-danh danh-lợi mấy cho vừa !
Nghênh ngang giữa mặt hai hàng suốt,
Sấp ngữa nông gan một lẻ thừa.
Tám chín chuyện chua mười cũng ngọt,
Tư năm khổ hạn sáu thời mưa.
Ai ơi phải biết quyền con Tạo,
Mất thảnh đừng che tấm vãi sưa.

101) KHAI DIỄN TUỒNG LỘ-ĐỊCH

(Mồng bốn tháng giêng năm Đinh-sửu, 61 tuổi)

Rạp hát Vương-tôn đã khoác màn,
Đã ra sàn khấu giữa Tràng-an.
Hiếu tình ngắm rõ gương bi-kịch,
Thanh sắc mừng thêm vẻ lạc-quan.
Giá ngọc treo cho đảo Hữu-Hạnh, (1)
Nhà vàng dựng để kép Phương-Lan. (2)
Ham vui điệu cũ câu tuồng mới,
Tri-kỷ xin chào bạn khán-quan. (3)

(1) Hữu-Hạnh là tên một người thiếu-nữ, 18 tuổi, sắm vai Chi-Manh.
(2) Phương-Lan là tên một người ấu-phụ, 25 tuổi, sắm vai Lộ-Địch.
(3) Vì tuồng của tôi đặt ra, nên cám ơn người khán-giả.

102) TẶNG EM THÚC-BÁ LÀ ƯNG-HOÁT,

Hiệu Diên-Chi đi dự hội Đấu xảo Ba-Lê (Paris) ngày 15 Juillet 1937 (61 tuổi).

Con dòng Vỹ-Dạ chẳng thua ai,
Mà chú Diên-Chi đủ mọi tài.
Thấy Phật rày qua sông Nhĩ-sĩ, (1)
Chơi Tiên từng đến cảnh Bồng-Lai. (2)
Dựng cờ bác-sĩ trong y-giới,
Rạng tiếng vương-tôn trước vũ-đài.
Xiêm áo đua chen người vạn-quốc,
Da vàng ta cũng đứng ngang vai.

(1) France, tiếng tàu dịch là Phật-lăng-tây,
Canal de Suez, tiếng tàu dịch là Tô-nhỉ-si-hà.

(2) Bồng-Lai tam đảo là Nhựt-Bổn, năm trước ông Diên-Chi có đi dự Hội-đồng Y-tế bên Nhựt-Bổn, nên nhắc lại.

103) GẶP LẠI BẠN CŨ LÀ LÊ-TỊNH TIÊN-SANH,

Ngày trước làm Đốc-học tỉnh Quảng-nam, (61 tuổi)

Hăm lăm năm trước ở Qua thành,
Gặp gỡ nhau từ lúc tuổi xanh.
Sơn đầu rạng trên đường giáo-hóa,
Hạc cầm vui giữa áng công-danh. (1)
Mấy phen nam bắc ly rồi hiệp,
Nửa gánh non sông nợ với tình.
Bẻ nhánh mai vàng xin kính tặng,
Duyên xưa cảnh mới lại càng xinh.

(1) Vì lúc ấy tôi làm Tri-Huyện Hòa-Vang.

HỌA HAI BÀI THI VÔ ĐỀ CỦA ÔNG PHAN-KỈNH-CHỈ. (61 tuổi)

104) Bài thứ nhất

Bệnh đa-tình ấy nghĩa làm sao ?
Với bệnh tương-tư nghĩa thế nào ?
Ngàn vạn thuốc hay không thấy bớt,
Xưa nay thầy giỏi biết là bao.
Dì trăng chị gió xui nên nỗi,
Bà nguyệt ông tơ chẳng bớ vào.
Lững đững hồn khôn theo via dại,
Đi về giấc mộng đã no nao.

105) Bài thứ hai

Xẻ lại cho tôi hỏi chút nầy,
Vì ai thơ thẩn bấy lâu nay ?
Úp voi đành nỗi khôn nghiêng thúng,
Đợi thỏ sao còn muốn núp cây.
Tưởng đến con hoa hờn trận gió,
Trông lên bóng nguyệt giận chòm mây.
Nợ tình ít vốn nhưng nhiều lãi,
Biết dại mà vay lỡ cứ vay.

106) **Em Như-Nguyện và em Như-Không trình tôi xem bài thi**

ĐỀ TẶNG NGỌC-ANH NỮ-SĨ (BÀ ÁN SƠN)

Họa vần trả lời. (61 tuổi)

Tìm bạn hai em khéo rủ nhau,
Học câu tương-ứng chữ tương-cầu.
Sinh vai Ban Tạ đừng hăm hở,
Dậy tiếng Lam Hồng đã bấy lâu.
« Thỏ bạc không lờ gương điện quế,
« Ác vàng thêm rạng vẻ ngàn dâu ».
Thăm ai chớ vịnh thi hoài cảm,
Hàng lệ Tương-quân dễ thấm bâu.

107) ĐƯỢC BÀI THI CỦA VĂN-SĨ GỞI ĐẾN HỎI THĂM TIỂU-SỬ CỦA LỆ-KHANH NỮ-SĨ

(Lệ-Khanh là con gái cụ Hiệp-Tá Ưng-Đồng, độ 30 tuổi, có nhan sắc, có tài ngâm vịnh, ở gần nhà tôi), họa văn trả lời.

Ù', Trác-văn-Quân ở Đế-Kinh,
Con nhà Hoàng-Tộc cửa Công-Khanh.
Độ ba mươi tuổi dồn thoi ẻn,
Hơn bốn năm năm lửng nợ tinh.
Gương hạnh-kiểm đã không nhuốm bụi,
Bản phong-tao cũng có đề danh.
Ở đây lại đó vài ba bước,
Ai muốn thăm ai, ghé hỏi mình.

(61 tuổi)

108) ĐI DẠO CHƠI MIỀN CỬA THUẬN

(61 tuổi)

Độn cát lùm cây lắm ngỗ đường,
Quanh vùng cửa Thuận chốn Thai-dương.
Trước dinh quan Tướng không quân sĩ, (1)
Trong điện bà Giàng có lửa hương. (2)
Gượng gạo bước lên đài Trấn-hải, (3)
Bâng-khuâng ngó lại bãi Sa-trường.
Nhớ Huỳnh xữ-sĩ trăm năm trước,
Nhớ khúc Hoài-nam điệu cảm-thương. (4)

(1) Dinh quan tướng gần bến đò Thai-dương.

(2) Điện bà Giàng là miếu bà Thai-dương phu-nhơn. ngó qua dinh quan tướng cách cái đường đi, khi qua đò Thai-dương thì thấy liền.

(3) Đài Trấn-hải đời Gia-Long dựng trước cửa Thuận.

(4) Đời đức Duệ-Tôn (chúa Nguyễn) ở Thai-Dương tức là cửa Thuận, có ông Huỳnh-Quang, hiệu Thai-Dương xữ-sĩ, học giỏi văn hay, có làm khúc hoài-nam, là một khúc ca truyền tụng (ăn cơm mới, nhắc chuyện cũ).

109) HỌA VẦN THI CỦA TÁM VỊ THI-BÁ, TRONG BÌNH-THUẬN GỞI VỀ MỜI VÀO CHƠI

(Hạ tuần tháng 7, năm Đinh-sửu)

Hoa vàng mới nở ngó tươi mươi,
Được tám câu thi của tám người :
Lá bạn mắt xanh làm gởi tới,
Thương minh đầu bạc rủ đi chơi.
Lỡ kỳ thất-tịch cam sai ước,
Qua tiết trung-thu sẽ vẹn lời.
Vui bước lại thêm thầy Kỉnh-Chỉ,
Sẵn câu ngâm hứng chuyện mua cười.

(61 tuổi)

ĐÊM TRUNG-THU LÊN CHƠI PHỤNG-HOÀNG SÀO, TỨC LÀ LẦU ÔNG HOÀNG

(Duc de Montpensier)

Tại trên hòn núi Phổ-Hài, khit mé biển.

110) Bài thứ nhất

(Họa vần ông La-Dung)

Lầu ai ai thẳng bước lên chơi,
Ai chủ mà ai lại rước mời.
Vặc-vặc vành trăng soi quả đất,
Xa xa mặt biển dính chưn trời.
Sẵn nơi đông-bích đề đôi vận,
Gọi khách nam-đu ngỏ mấy lời.
Bạn cũ mình đây thêm bạn mới,
Tôi thương tôi nhớ cũng vì tôi.

111) Bài thứ hai

(Họa vần Tùng-Trang nữ-sĩ)

Lầu của ông tây đỉnh núi cao,
Ông xây ông dựng đó khi nào ?
Phụng-hoàng thấy ổ chim không thấy,
Hẳn-mạn vào chơi khách cứ vào.
Trăng cũ một vừng thu sáng-rạng,
Sóng tinh quanh mặt biển lao-xao.
Biết ai mà hỏi thăm con tạo,
Cảnh ấy người nầy lại cớ sao.

HAI BÀI THI KỶ SỰ TIỆC RƯỢU LIÊN-THÀNH THI-XÃ,

Đêm 16 tháng 8. năm Đinh-sửu, 1937.

112) Bài thứ nhất

Có vừng hạc phát về nga-mi,
Có vật sơn trân món hải-kỳ.
Tiệc rượu ở nhà ông chủ rượu, (1)
Câu thi ra mắt bạn làng thi.
Mùi hương Liên-quận thêm ngao ngát,
Ngọn bút Lan-Đình dễ chép ghi.
Ngâm thảo thực-đơn hai hóa một,
Chuyện chưa từng thấy, thấy hôm ni. (2)

(1) Tiệc mở tại nhà ông Phạm-Tá, hiệu Song-Đông, là ông chủ Đại-tửu cuộc ở Phan-thiết. một thi hữu ở Liên-thành.

(2) Vì thực-đơn (menu), 8 món làm ra tám câu thi, thành một bài thất ngôn luật, gọi là ngâm-thảo.

113) Bài thứ hai

(**Điệp vận**)

Tiệc mừng đông đủ khách tu-mi,
Có nữ-tao-nhơn lại quá kỳ. (1)
Túy-phẩm chưng đầy ba thức rượu,
Thực-đơn sắp sẵn một bài thi.
Ngắm hoa quân-tử thơm mà dượm,
Ngửi dạ vương-tôn nhớ phải ghi.
Ghi dấu lạc-quan vào tiểu-sử,
Trăng tròn tháng tám chuyện năm ni.

(1) Nữ-tao-nhơn là Tùng-Trang nữ-sĩ.

114) THUẬT CHUYỆN NAM DU LẠI VỚI BẠN THÀNH-XUÂN. (61 tuổi)

Gánh chi chi nặng quảy về kinh,
Chỉ một pho thi một khối tình.
Chuyện vãng ai mà ưng hỏi đến,
Khoe khoang tôi chẳng dám làm thinh:
« Cảnh Liên-hoa quận, người phong-nhã,
« Cảnh Phụng-hoàng lâu, bóng nguyệt minh. »
Bạn Quảng không thua gì bạn Huế,
Cũng tài cũng sắc cũng xinh xinh.

115) GIẤC MỘNG ĐI CHƠI ĐẾN LIÊN-THÀNH (61 tuổi)

Khi hôm nằm chộ đến Liên-thành,
Gặp chị Tùng-Trang với các anh.
Giấc bướm mơ-màng đương hỏi chuyện,
Tiếng gà xao-xác đã tan canh.
Sao mình cứ tưởng rồi trông họ,
Mà họ không thương nỏ nhớ mình.
Muốn cặp thầy lang đi chuyến nữa, (1)
Gở cho xong nợ mới làm thinh.

(1) Thầy lang là thầy thuốc, là ông Đốc-tơ Phan-kỉnh-Chỉ, khi đi chơi Bình-Thuận có ông ấy.

116) ĐÁP HỌA VẦN THI PHÊ BÌNH TUỒNG LỘ-ĐỊCH CỦA TÙNG-TRANG NỮ-SĨ,

tức là bà Phạm-thị-Loan, Đốc-giáo trường Nữ-học tại Phan-thiết. (61 tuổi)

Vẽ bầu theo dọi nét đơn-thanh,
Chịu khó ra công hóa dễ thành.
Nhờ một tiếng khen cô nữ-sĩ,
Trả mười năm nợ chú thơ-sanh.
Trong tuồng đặng mấy khuyên son đỏ,
Giữa rạp càng nhiều áng mắt xanh.
Nghe ở Thuận-Thành ta mới hát, (1)
Khi vui có hỏi mệ Ưng-Bình.

(1) Vì trong Bình-Thuận mới hát tuồng Lộ-Địch, để lấy tiền giúp nạn dân bị lụt ở Bắc-kỳ.

117) GỞI LỜI NÓI CHUYỆN TIẾT LẠNH Ở XUÂN-KINH VỚI ÔNG PHAN-KĨNH-CHĨ

(61 tuổi)

Gởi lời thưa chuyện tiết long-đông,
Ở Phú-xuân kinh quá lạnh lùng.
Đồng rộng lững lơ roi mục-tử,
Canh dài lặng lẽ mái ngư-ông.
Liễu ê giọt tuyết phai màu lục,
Hoa chán cơn mưa nhợt vẻ hồng.
Chỉ có cội tùng trên đống tuổi,
Bốn mùa lay chuyển ngó như không.

118) TẾT NĂM MẬU-DẦN

(1938, 62 tuổi)

Mứt món sơ sơ mãn tiệc trà,
Bẻ mai đem cặm mấy bình ba.
Xấp thơ cựu-vỏ vừa xem hết, 舊 雨
Tờ báo tân-văn lại dở ra. 新 聞
Tết nhứt thăm nhau nhà Cổ-Việt,
Láng-giềng chạnh nỗi nước Trung-Hoa. (1)
Biển đông sóng lặng ai là chủ ?
Một quẻ đầu năm thử đoán qua.

(1) Thời kỳ Trung-Nhật chiến tranh, Nam-kinh mới thất thủ.

119) Bạn Xuân-Sơn ở Nha-Trang về và các thi-hữu đến thăm

NGÀY TẾT NĂM MẬU-DẦN, ĐÁNH CHÉN RỒI LÀM THI. (hạn vận)

Bấy lâu qua lại giữa Thần-Kinh,
Hỏi mấy ai thăm Thúc-Giạ Bình.
Sương tuyết năm nay đầu đã bạc,
Nước non bạn cũ mắt thường xanh.
Soi hoài chẳng ngại gương chê bóng,
Uống ít e khi rượu lấy mình.
Nhưng cũng say đừ trong nhịp Tết,
Say duyên gặp gỡ với say tình.

120) NGÀY TẾT CỦA ĐỜI NGƯỜI

(62 tuổi)

Vịnh Tết khi xưa nói chẳng lầm,
Nôm na xin diễn lại mà ngâm :
« Trăm năm tính gượng vừa trăm tuổi,
« Một tuổi dồn thêm bớt một năm ».
Bủa lưới làm chi thân cái nhện,
Xe tơ rứa mãi ruột con tằm !
Nhưng mà cũng hượm ngăn gương phấn,
Đợi bác Đông-hoàng đến hỏi thăm.

121) GỞI THĂM ÔNG XUÂN-SƠN VÀ CÔ NHƯ-KHÔNG Ở NHA-TRANG. (62 tuổi)

Ai vô hòn Khói hỏi Như-Không,
Với gã Xuân-Sơn cặp vợ chồng.
Chung một túi thi dồn bửu ngọc,
Lựa hai ngòi bút vẽ non sông.
Ấy chim cọng-mạng đà xây tổ,
Rồi nhánh liên-chi ướm trỗ bông.
Khi có tiệc vui mà tưởng tới,
Xa xuôi tôi chẳng dám nài công.

122) MỪNG HAI VỢ CHỒNG ÔNG VÕ-XÁNG ĐỀU SÁU MƯƠI TUỔI VÀ TỨ ĐẠI ĐỒNG ĐƯỜNG

(Họa vần ông Đoàn-Nhiếp, Hồng-lô Tự-khanh)

Phụng với loan đà thỏa lứa đôi,
Càng thêm tuổi hạc lại càng vui.
Cái duyên giai-lão tơ bà nguyệt,
Bức vẽ thiên-nhiên bút thợ trời.
Sáu chục đã mừng, mừng bảy chục,
Bốn đời đặng thấy, thấy năm đời.
Túi thi Thúc-Giạ dâng làm lễ,
Thi lễ hai đường vẹn cả hai.

(62 tuổi)

123) GIẤC MỘNG THÀNH THAI

(Chính người mộng sản ấy cậy tôi làm)

Ri mà cũng có phước sanh trai,
Duyên chửa ra chi nợ chửa hài.
Con đã lọt lòng cha tránh mặt,
Con ơi chớ khóc mẹ buồn tai.
Bụng làm dạ chịu xui nên nỗi,
Vai rộng lưng giài thử giống ai.
Cầm bốn tao nôi thương lại nhớ,
Nhớ trong giấc mộng thuở thành thai.

(62 tuổi)

124) CHUYỆN VÃI BÔNG GIẤY, GIỮA CHỢ PHIÊN HUẾ, 1938

(thể trường-thiên, điệu cổ)

Bước vào cửa chợ phiên,
Chuyện của mình trông thấy :
Xanh đỏ lục trắng vàng,
Giữa tầng không nhấp nháy.
Ngỡ là bướm bướm bay,
Té ra đồ bông giấy.
Trên đầu tóc mỹ-nhân,
Đậu, theo luồng gió bảy.
Thêm sắc, lại thêm duyên,
Đi từng hàng từng dãy.
Cô tỏ giạng vui cười,
Cô tỏ lòng áy-náy.

Có cô đẹp như Tiên,
Tức giận mà nói lẩy.
« Tôi đã có chồng rồi,
« Cậu chớ đôi tầm bậy.»

Với một bà chi chi,
Cũng miệng la chân chạy.
« Đầu tôi đã trỗ hoa,
« Tôi không màng vật ấy.»

Thấy như vậy,
Nghe như vậy.
Tưởng lòng ai như nấy,
Khen câu nói của cô,
Với Cụ bè khi nãy.

125) HỘI CHỢ HUẾ NĂM 1938

(Họa vần ông Kỉnh-Chỉ)

Hội chợ rày đông đã quá đông,
Trả xu vô cửa lệ năm đồng.
Áo xiêm gặp mãi người Nam Bắc,
Sản-vật chưng đầy của núi sông.
Mến trẻ lại mua lòng-bóng đỏ, (1)
Chê tra, chẳng bán sợi tơ hồng.
Nực cười lắm kẻ đôi bông giấy,
Đôi lộn cho cô ả có chồng. (2)

(1) Thứ lòng-bóng đỏ để cho trẻ con chơi, Hội-chợ bán rất nhiều mà giá rẻ.

(2) Cô này với cô mà tôi nói chuyện trong bài vãi bông giấy giữa chợ Phiên, cũng là một cô.

126) BƯỚM BƯỚM

Mình yêu hoa nó cũng yêu hoa,
Ngộ nghỉnh cho con bướm bướm bà.
Chậu cúc của mình hương ướm trổ,
Liệng vành chơi, nó đã bay qua.

127) CON RẦY

(là một thứ sâu hình như con bửa-củi mà bé hơn, sắc vỏ và hai cánh nó dợn dợn màu nâu, như sắc con gián, đến lối tám hoặc chín giờ đêm vô nằm trong lọm bông, nhứt là về bông hường, gần sáng thời bay mất).

Con rầy cũng một giống hoa-tinh,
Kiếp trước không tu phải hiện hình.
Nằm giữa lọm hoa đêm đến sáng,
Yêu hoa nó lại giỏi hơn mình.

128) BÔNG HẢI ĐƯỜNG

Biết mình đây đã có quân-vương,
Giấc ngủ Dương-Phi đẹp khác thường.
Rửa cũng vui trong vòng hiệu kiếp,
Màng chi trỗ phấn lại thêm hương.

129) NÓI CHUYỆN VỚI ANH LƯỜI

(Theo lối thi cổ)

Vai anh không vác cuốc,
Tay anh nỏ cầm cày.
Sách, anh không ngó chữ,
Đờn, anh nỏ lên giây.
Ăn no rồi ba bữa,
Làm chi cho hết ngày.
Chẳng thè đi đánh bạc,
Cuộc đen đỏ làm khuây.

130) ANH LƯỜI TRẢ LỜI

(Cũng lối thi cổ)

Sách tôi đọc không hiểu,
Đờn tôi không biết điệu.
Cày cuốc phải ra đồng,
Thân tôi gầy lại yếu.
Cờ bạc ưng, vẫn ưng,
Ngặt đồng tiền đương thiếu.
Anh chị muốn cho vay,
Lời bao nhiêu sẽ liệu.

131) TỰ THUẬT

(Ngũ ngôn luật, họa vần ông Kinh-Chi)

Bổng hạc thưởng no đủ,
Lưng tôm khỏi cúi lòn.
Thi đưởng ngâm chẳng dở,
Rượu mật uống càng ngon. (1)
Đặt những câu ca mới, (2)
Bày cho bạn trẻ con.
Ai thương thời trái ấu
Méo xẹo cũng ra tròn.

(1) Rượu mật là thứ rượu lấy mật mía mà làm ra, Quảng-Nam và Quảng-Nghĩa thường có thứ rượu ấy, giá rẻ hơn rượu gạo.

(2) Vì tháng giêng năm nay là năm Mậu-dần, tôi có đặt một điệu ca mới gọi là điệu Qui-lục, dùng điệu ấy làm ra bài quốc-ca, dạy cho học trò hát được thành hiệu.

132) MỪNG CHÁU LÀ BỬU-LỘC VÀ BỬU-VIỄM ĐẬU LUẬT-KHOA CỬ-NHƠN

(62 tuổi)

Bác cử-nhơn Tàu cháu cử Tây,
Bút nghiên hai chữ học hai thầy.
Bởi vì việc võ xưa hơ hững,
Nên nỗi nghề văn mới đổi thay.
Con hát cha khen ử cũng phải,
Tre già măng mọc mãi càng hay.
Gài đai đội mão ra sân khấu,
Phải ngó năm châu vận-hội này.

133) ĐAU LÀNH ĐI CHƠI NÚI

Ngày Trùng-cửu năm Mậu-dần 1938. (62 tuổi)

Bài thứ nhất

Gặp tiết trùng-dương buổi tạnh trời,
Trẻo non lại rủ khách đi chơi.
Văn thi hứng-cảnh vui xin đọc,
Bầu rượu đăng-cao khỏe cứ xơi.
Tuyết đượm cành mai hương ướm trổ,
Sương pha giậu cúc vẻ còn tươi.
Thái-bình mặt biển xa xa đó,
Trận sóng dồn mây ai với ai. (1)

(1) **Trung-Nhật chiến** tranh là cuộc diện Thái-bình-dương biện thời **năm** Mậu-dần, nên thêm nét bút đạ-sử này cho nhớ.

134) Bài thứ hai

Cụm lách sông Hương đã rã rời,
Chòm thông đỉnh Ngự cứ khoe tươi.
Khỏe chân nhẹ nhẹ lên sườn núi,
Ngẩnh mặt xa xa ngắm cuộc đời.
Biển rộng sóng xao thuyền chú Chệt, (1)
Non cao khói phủ tháp người Hời.
Xóa đi sắp lại vành kim-cổ,
Đã bấy nhiêu phen rứa thợ Trời.

(1) Chú Chệt là chú khách tức là người Trung-Hoa, vì Quảng-Đông và Hà-Khẩu thất thủ về thượng tuần tháng chín này là tiết Trùng-dương, nên có cảm tình, mà nên câu cảm tác.

135) QUA CỬA ẢI VÂN-QUAN

Mùa đông năm Mậu-dần, 1938. (62 tuổi)

Mây ủn khói tỏa mấy thu đông,
Cửa ải Vân-quan ngó lạnh lùng.
Liệng đó bầy chim xây tổ mới,
Đi đâu chú lính bỏ đồn không.
Rêu xanh phủ mặt hòn bia đá,
Cỏ lục quanh chân cỗ súng đồng.
Nỏ biết rồi đây toan sửa lại,
Hay là xếp hẳn việc binh nhung.

136) ĐẾN THĂM NHÀ BẠN

Bạn đi làm ăn phương xa, nhà cửa tiêu-điều, khác cảnh phiền-ba ngày trước. (Mậu-dần, 1938, 62 tuổi)

Ngựa tới xe lui nhớ những ngày,
Cuộc cờ thay đổi ngó hay hay.
Đường hoa dặm liễu chưa phai dấu,
Cái ẻn con oanh đã lạc bầy.
Xơ xác dễ buồn cơn gió bụi,
Hiệp tan thêm chạnh nỗi bèo mây.
Ngoắc đuôi lại thấy con huỳnh-khuyển,
Mừng gặp người quen đây đến đây.

137) ĐỀ CẢNH HỒ TỊNH-TÂM

(Năm Mậu-dần. Lấy bảy chữ *« LÒNG THEO MẶT NƯỚC CŨNG VƠI VƠI »* **làm câu phá).**

Lòng theo mặt nước cũng vơi vơi,
Hồ Tịnh-Tâm đây lão đến chơi.
Bẻo hiệp với tan chi xiết nỗi,
Sen tàn lại nở ấy là nơi.
Tiếng chim tìm bạn kêu quanh núi,
Tăm cá tha mồi dợn giữa khơi.
Ngư-phụ đi đâu tiều nổ có,
Có tranh sơn thủy điện Bồng-lai.

138) TẾT NĂM KỶ-MẢO (1939)

Xuân lới xuân thêm đống tuổi già,
Ừ, ử nay đã sáu mươi ba.
Rảnh tay năng vuốt chòm râu bạc,
Nẩy ngực quên đeo cái thẻ ngà.
Nghiên bút Thượng-thư còn kiếm chữ,
Áo xiêm kinh-triệu chửa lờ hoa.
Cũng bầu rượu cũ câu thi mới,
Gọi thú thầy nho của nước ta.

139) CẢNH HỒ TỊNH-TÂM

(Ngày xuân năm Kỷ-mảo. Lấy bảy chữ *« LÒNG THEO MẶT NƯỚC CŨNG VƠI VƠI »* làm câu kết).

Tháng giêng năm mẹo bữa mồng hai,
Vô Tịnh-Tâm chơi buổi tốt trời.
Mừng tuổi tiếng oanh reo trước gió,
Tin xuân cái én liệng ngoài khơi.
Mây xanh liễu lại giăng tơ mới,
Môi thắm sen chưa trổ nụ cười.
Vọi vọi thần tiên đâu chẳng thấy,
Lòng theo mặt nước cũng vơi vơi.

140) CUỘC HÒ KHOAN GIẢ GẠO TẠI HỘI CHỢ HUẾ (Avril 1939)

(Thấy báo Tràng-An đăng chương-trình Hội-chợ Phiên năm nay có cuộc ân-tình giả gạo, nên có bài chuyết thảo nầy ra trước ngày Hội-chợ gọi là quảng cáo cho vui).

Cũng đảo cũng kép cũng xinh xinh,
Điệu hát hò-khoan của nước mình.
Không mợt áo xiêm trò ồi-lồi,
Chẳng mảng son phấn dạng văn-minh.
Trổ dưởng qua lại câu nhơn-nghĩa,
Gây cuộc hơn thua chữ hiếu-tình.
Cối gạo chờ xem ai giải nhất,
Là ngày Hội chợ Phú-Xuân kinh.

(63 tuổi)

141) NGẦU NGÀM (63 tuổi)

Sách Thánh-Hiền xưa đã dạy ta,
Khôn ngoan sắc sảo cậy chi mà.
Quạ không ai bẫy vì đen cánh,
Voi có người săn bởi trắng ngà.
Ôm ngọc phải cam phiền với ngọc,
Yêu hoa sao khỏi lụy dường hoa.
Khối tình nỏ biết khôn hay dại,
Muốn vứt cho rồi vứt chẳng ra.

142) PHỤNG HỌA, ĐOAN-HUY HOÀNG-THÁI-HẬU, NGỦ TUẦN KHÁNH TIẾT TỰ THUẬT

Ngự chế nguyên vận.

Bàn đào mở tiệc thấy năm nay,
Cội phước vun nên quả phước này.
Mồng bảy tháng giêng xuân rực rỡ, (1)
Năm mươi tuổi thọ tiết vui vầy. (2)
Ngậm đường dỡn cháu theo gương cũ,
Ngự bút đề thi sẵn tứ hay.
Tuyền khúc âu-ca làm dạ-sữ,
Tôi xin chép để một pho dày.

(1, 2) Câu đầu đề của bài thi Ngự-chế là sáu chữ : « Ngủ Tuần-Khánh-Tiết tự-thuật » và câu chép niên hiệu sau có mười bốn chữ : « Cung Diên-Thọ ngày mồng bảy tháng giêng năm Bảo-Đại thứ mười bốn ». Tôi xin tuân theo chữ và nghĩa của hai câu ấy mà phụng nghĩ câu ba và câu bốn. Lại chữ giêng trong câu 1a đối với chữ Thọ trong câu bốn, vì Ngài ở cung Diên-Thọ ; ấy là đối giọng, mà không đúng chữ.

143) CHƠI NÚI THIÊN-THAI CHIỀU TỐI TRỞ VỀ ĐI LẠC ĐƯỜNG

(Đêm mồng một tháng năm, năm Kỷ-mão. 1939)

Non đoài bóng ác đã chen mây,
Lạc lối Thiên-thai đến chỗ nầy.
Lửa đốm lập-lòe trên đám cỏ,
Tiếng chim xao-xác giữa lùm cây.
Nghe chuông Bát-nhã toan đầu Phật,
Kêu cửa Tam-quan vắng mặt thầy.
Rọi đuốc, thôn-ông chào, hỏi, rước,
Khuyên mời lại có bữa cơm chay.

144) HỌA VẦN THI VỀ HƯU LƯU-GIẢN CỦA MINH-CHÂU TIỀN-SANH

(là ông Trần-trinh-Cáp, hương thi Giải-Nguyên đời Thành-Thái, xuất sĩ đã lâu, mà mấy năm sau làm Phiên-dịch tỷ-trưởng trong Ngự-tiền văn-phòng triều Bảo-Đại. thăng hàm Tham-tri về hưu, vào năm Kỷ-mão, 1939).

Gài đai đội mão sớm rồi trưa,
Vai lão hay chi lắm cũng thừa.
Rạp mới phải nhường cho kép mới,
Sách xưa đành quẩy lại quê xưa.
Tao-đàn sẵn bạn trau ngòi bút,
Chủ-soái trông ai dựng lá cờ.
Chửa mỏn đỉnh-chung cho khỏe dạ,
Thi tiên rượu thánh chẳng nên chừa.

145) ĐỌC QUYỂN THI "MỘT TẤM LÒNG" CỦA ÔNG QUÁCH-TẤN GỞI TẶNG, MỪNG VÀ ĐÁP TẠ

(21 tháng tám, năm Kỷ-mão, 1939)

Một quyển ly-tao một tấm lòng,
Lấy-lừng ngọn bút Quách-thi-ông.
Bầu trời mở rộng kho trăng gió,
Mặt đất chưng đầy cảnh núi sông.
Ngọc thốt vàng reo xen lẫn tiếng,
Sa thêu gấm dệt rõ ràng bông.
Thanh bình điệu cũ ưa người mới,
Bạn tác mình đây té cũng đông.

146) THỜI CUỘC

(Ghi việc thắp đèn xanh phòng tàu bay từ đêm 28 Août đến 5 Septembre 1939, tức là đêm 15 đến 22 tháng bảy năm Kỷ-mão).

Tàu bay địch-quốc ở đâu đâu,
Chộn-rộn chi mà khéo rủ nhau.
Thuê nốt về quê không kể ngái,
Đào hầm lánh nạn phải cho sâu.
Dẹp roi thằng bé trâu không thả,
Cuốn chỉ ông chài cá chẳng câu.
Bồng chốc ngọn đèn xanh hóa đỏ,
Thái-bình lại gảy khúc ca-âu.

147) TIN THẾ GIỚI

(2 Septembre 1939 là ngày 19 tháng bảy, năm Kỷ-mão, niên hiệu Bảo-Đại thứ 14).

Đức với Ba-Lan đã cụng đầu,
Gây trường chiến-họa ở Đông-Âu.
Quen nhau cũng bạn người da trắng,
Xáo lộn là ông đảng Áo nâu. (1)
Mây phủ sấm vang quanh một cõi,
Sóng xao mòi dợn cả năm châu.
Chuyện xa xẩy đến gần quên phức,
Biếng hỏi hơn thua Nhật với Tàu. (2)

(1) Đảng áo nâu là đảng của ông Hitler và bạn đồng chí lập ra, tiếng tây gọi là Nazi.

(2) Nhật với Tàu đánh nhau hơn hai năm nay, còn đương hăng hái, rứa mà việc chiến tranh của Đức với Ba-Lan mới xẩy ra có mòi nghiêm trọng hơn, nên quên phức chuyện Trung-Nhật.

148) CHƠI THUYỀN VỚI BẠN VĨ-HƯƠNG THI XẢ GIỮA SÔNG HƯƠNG

(Đêm trùng-cửu, năm Kỷ-mão)

Trùng-dương chơi nước chẳng chơi non,
Sóng dợn trăng xao thú giữa côn.
Sông rộng chiếc thuyền to hóa nhỏ,
Khách đông tiệc rượu giở mà ngon.
Mười ông bạn cũ tay nghiên bút, (1)
Một ả đào tơ vẻ phấn son. (2)
Tức cảnh theo làng thi nối vận,
Hay hèn cũng gọi tiếng vương-tôn.

(1) Mười ông bạn là : Đông-tri, Gia-phú, Hòe-Đình, Hương-Trần, Kỉnh-Chỉ, Trường-Hồ, Vân-Bình, Vân-Hán, Vu Hương, Xuân-Viên.

(2) Ả đào tơ là Ấu-Mai ca-cơ.

149) ĐỀ TẶNG ẤU-MAI CA-CƠ

(Là ả đào đã nói trên, mà cũng về bữa tiệc đêm trùng-dương năm Kỷ-mão)

Phong trần chưa chút tẻo tèo teo,
Chim liệng quanh non cá ẩn bèo.
Hoa nở đầu xuân hương sực nức,
Trăng giời mặt biển bóng trong veo
Mười hai bến nước không quen lạch,
Một chiếc thuyền tình mới thả neo.
Duyên nợ về ai ai phải nhớ,
Làng thi đây cũng có tiền cheo. (1)

(1) Vì bạn làng thi đã có người chú ý vào Ấu-Mai ca-cơ.

150) KHUYÊN ĐÓN BẠN VỀ CHỖ SI-TÌNH

(Họa vần của bạn)

Ghê khi té nặng bởi trèo cao,
Có nhớ hay không kẻ trộm đào. (1)
Giỏi thiệt chẳng qua trò ỏi-lỏi,
Hay gì kể lại cái công-lao.
Đây thương trượng đó, đây thưa lấy,
Đó giận hờn đây, đó nói sao.
Cảnh quạnh vườn hoan hoa có chủ,
Dễ ngươi xin chớ bợ tay vào.

(1) Chuyện Du-Đảo trong sách Liêu-trai-chí-dị.

151) CẢNH VẬT PHƯỚC-SƠN

(Ngày 12 tháng 10 năm Kỷ-mão, 22-11-1939)

Rừng sâu rú rậm cảnh bao la,
Gọi Phước-sơn đây đã đến à...
Thấy chỗ công-phu trường khổ-hạnh,
Khác nơi danh-lợi cõi phiền-ba.
Quanh năm dưa muối ngày hai bữa,
Bốn bể anh em bạn một nhà.
Ơn Chúa cũng ơn người sáng-tạo,
Ngùi ngùi nhớ cụ Phước-Môn ta.

CUỘC CHƠI VỚI BẠN LÀNG THI

Đêm 31 Décembre 1939

Ngâm thi Cụ Tam-Xuyên.— *(Đêm 31 Décembre 1939, là đêm 21 tháng 11 năm Kỷ-mão, bạn làng thi chúng tôi đi với cô Thanh-Yên đến chơi tại nhà ông Tôn-thất-Sung, hiệu An-Sơn là con trưởng Cụ Tam-Xuyên ở làng An-Cựu, trên bờ sông Lợi-Nông. Ông chủ nhà đem đi-cảo của Cụ cho chúng tôi xem. Chúng tôi cậy cô Thanh-Yên đọc rồi ngâm. Thi tuyệt hay mà ngâm cũng tuyệt).*

152) Bài thứ nhất

Ngả Lợi-Nông giang có một nhà,
Là nhà nổi tiếng đại thi-gia.
Di-biên thuở nớ còn ghi lại, 遺 編
Hậu-học mình đây phải biết qua. 後 學
Trăm lượng Hoàng-kim mong có nhẻ,
Những vần bạch-tuyết kiếm không ra.
Hãy ngâm rồi đọc cho nghe với,
Tài điệu ơi người của nước ta. (1)

(1) Chỉ vào Thanh-Yên mà nói.

153) Bài thứ hai

Có vừng bạch-phát về thanh-nga,
Có khách phong-tao đủ một nhà.
Xướng-họa đua nghề thi cổ-việt,
Giao-thừa gặp bữa tết Lang-Sa.
Bấm tay nghĩ lại đều như rứa,
Vách mảy ngâm chơi chút gọi là.
Ai muốn hỏi mình xuân mấy độ,
Thưa rằng nay đã sáu mươi ba.

154) Bài thứ ba

Tả tài-mạo cô Thanh-Yên

(bài nầy đi liên-hoàn với bài thứ tư)

Gọi tiếng Thanh-Yên đây phải à,
Hay người Tiên ở động Tiên ra.
Bên khe giả dượi hình Tây-Tử,
Dưới Nguyệt tươi cười vẻ Tố-Nga.
Mở miệng đào non xinh có một,
Xây lưng liễu yếu đẹp bằng ba.
Khối tình thi-sĩ cân càng nặng,
Lảo-thảo đôi câu biếu gọi là.

155) Bài thứ tư

Lảo-thảo đôi câu biếu gọi là,
Biếu cô thục-nữ khách đường xa. (1)
Nụ dưa mới ngỏ tuần hai tám,
Quả mận bưa vừa lúc bảy ba.
Đến cảnh hồ sen sao đứng lại, (2)
Để người nội-lách cứ trông qua. (3)
Đây đấy cũng bạn bè thanh-khí,
Cũng biết cung đàn biết điệu ca.

(1) Thanh-Yên là người ở Quảng-Ngãi.
(2) Hồ sen là biệt hiệu của một người quen, mà chính người ấy mời cô Thanh-Yên trong Quảng-Ngãi ra chơi.
(3) Nội-lách là Vĩ-dạ.

TẾT NĂM CANH-THÌN, 1940

(64 tuổi)

156) VIỆC THẾ-GIỚI

Chưa rồi Đông-Á đã Tây-Âu,
Cuộc chiến-tranh lan cả địa-cầu.
Ông Tạo vần xây chi rứa mãi,
Chúa xuân qua lại cũng đà lâu.
Đóa hoa Thượng-Uyển mừng mưa móc,
Chén rượu Sa-trường khóc bể dâu.
Tình gọi anh em chung bốn biển,
Thái-bình hai chữ chúc cho nhau.

157) TẾT NĂM CANH-THÌN

(1940, 64 tuổi, họa vần ông Hòe-Đình)

Cây cỏ non sông cũng một trời,
Canh-Thìn đi tới Mão đi lui.
Rồng bay thỏ chạy đâu không thấy,
Ếch liệng oanh ca đó dễ cười.
Đầu bạc, cái gương già phải phải,
Cờ vàng, câu hát trẻ vui vui. (1)
Nợ thi năm ngoái dồn chưa trả,
Để đến năm ni họ mới đòi.

(1) Mới đây, tôi có đặt khúc hát « cờ vàng » mà tôi được nghe các trẻ em hát luôn luôn, nhất là mấy hôm Tết.

158) HỌA VẦN TRÍ SỰ LƯU-GIẢN

Của Mộng-Nham Lê-nhữ-Lâm tiên-sanh, Quốc-sử-quán Phó-tổng-tài. (64 tuổi)

Sự nghiệp thầy nho rứa cũng hay,
Dạy Vua Vua nhớ mãi ơn thầy.
Cắp tay mấy quyển văn Tiền-Hán. (1)
Hộ giá mười năm cõi Thái-Tây. (2)
Lưu-giản tùi thi tình tự đó,
Tương-tư chén rượu tiễn đưa nầy.
Tiện đây cho hỏi khi làm sử,
Thêm chuyện năm châu chép mỏng dày ?

(1, 2) Trước làm quan Giáo-học theo dạy chữ Hán cho đức Kim-Thượng khi ngài du học bên Pháp.

159) CHUYỆN CÔ NGÀU, CÔ LIỄU,

Ca-nhi xứ Huế

Ngâu vàng Liễu lục đó xinh xinh,
Giữa chốn Hương-Giang chốn Ngự-Bình.
Mến sắc, liệng quanh vành bướm-bướm,
Tìm hương, kêu mãi tiếng oanh-oanh.
Vin hoa bẻ lá chưa đành dạ,
Ngắm cội xem cây vẫn có tình.
Bị bạc lè-kè ai quảy đến,
Đừng cho ai bứng trẩy ra Thanh. (1)

(1) Vì ông Lan-Đình có lần năm trăm bạc, bượm mua hai cô ấy ra Thanh-hóa.

160) THUYỀN ĐI NGANG TÂY-HỒ CẢM TÁC

(Canh-thìn, 1940, khi 64 tuổi)

— 1 —

Quê cô Túy-Ngọc ở Hồ-Tây,
Giậy tiếng hoa-khôi nhớ những ngày.
Bờ liễu xanh xanh soi bóng nước,
Thuyền tình thuở nớ đậu mô đây.

— 2 —

Trăng trong gió mát giữa Hồ-Tây,
Qua lại năm xưa ở chốn nầy.
Đợi khách con đò đâu chẳng thấy,
Cây gia còn đó cảnh còn đây.

161) BAN CHIỀU TRÊN BÃI BIỂN THUẬN-AN GẦN ĐÀI TRẤN-HẢI

(Mồng mười tháng tư năm Canh-thìn, 1940)

Mấy ai qua lại bãi sa-trường,
Mà chẳng bâng-khuâng lối tịch-dương.
Tinh-vệ bắc cầu đâu nỏ thấy,
Gia-trường xe cát mãi càng thương.
Mây giăng lỗ-xỗ hình thương-cầu,
Sóng vỗ lao-xao tiếng đoạn-trường.
Trấn-hải đài xưa, nay ngó lại,
Tấm bia hòn đá vẻ tang-thương.

(64 tuổi)

162) ĐỌC TRUYỆN KIM-VÂN-KIỀU

Của Cụ Tiên-Điền

Sách ta ta đọc sẵn ông thầy,
Là Cụ Tiên-Điền tiếng thuở nay.
Tài mạng tấm gương soi mãi đó,
Hiếu tình câu chuyện kể ra đây.
Bóng người đã khuất trăm năm trước,
Nét bút còn ghi một quyển dày.
Tô điểm non sông trời Cổ-Việt,
Đành treo giải nhất áng văn hay.

163) NGẪU NGÂM

(Canh-thìn 1940)

Thong-thả đình hưu mấy độ rày,
Sách xưa bạn cũ với mình đây.
Hoa tàn lại nở xem không chán,
Rượu ít mà ngon uống dễ say,
Vướng nợ tam-sanh nghèo cũng trả.
Sẵn kho vô-tận túng thời vay.
Bàn cờ thế-sự ai cao thấp,
Ta nỏ màng nghe ta nỏ hay.

164) ÔNG THẦY ĐỒ TỰ THUẬT

Đâu cũng A, B, cũng thuộc lòng,
Chi, Hồ, ông giữ nếp xưa ông.
Cơ-đồ nhỏ nhỏ gian nhà lá,
Nghệ-nghiệp thường thường quản bút lông.
Chữ Hán tro tàn nhen lại đỏ,
Thi Đường nước lã lọc càng trong.
Họ khen họ mới chê mình cũ,
Mới cũ là sao họ biết không ?

165) ÔNG THẦY ĐỒ TỰ CHÀO

(Điệu Liên-Hoàn)

Cả đời không đọc sách binh-thơ,
Chẳng bớ thanh gươm động lá cờ.
Việc võ đành thua ai đã phải,
Nghề văn sao vẫn cứ vu-vơ.

Nghề văn sao vẫn cứ vu-vơ,
Mới cũ xen nhau rối cuộc cờ.
Trẻ đọc tiếng tây già ít hiểu,
Già khoe chữ hán trẻ đi lơ.

166) NGƯỜI ĐÀN BÀ THAN PHIỀN VỚI BẠN NỖI CHỒNG NĂNG ĐỌC SÁCH NGÂM THI

Vách mảy ngồi trên đống bạc tiền,
Chồng khôn nên chị sướng như tiên.
Chồng em đọc sách ngâm thi mãi,
Như dại như ngây ngó dễ phiền.

Em giận chồng em lắm chị ơi,
Chậm chân em cũng muốn kêu trời.
Biểu đừng đọc sách ngâm thi nữa,
Va cứ lơ lơ lại mỉm cười.

Tiểu chú : Chuyện này là chuyện tôi nghe thấy, tôi sắp thành vần cống hiến độc giả, để phẩm bình lời trách móc của bà vợ nó với nụ cười của ông chồng kia.

167) NGẪU HỨNG

(Canh-thìn, 1940, bộ vận ông Hòe-Đình gởi thăm)

Bảy tám năm ni trở lại nhà,
Điền viên đã đượm thú quê ta.
Say khi nửa tối vài chung rượu,
Tỉnh giấc ban mai một chén trà.
Bạn cũ tới lui kèm bạn mới,
Người gần yêu mến rủ người xa.
Cùng chơi với lão không chi lạ,
Chỉ mấy vần thi mấy điệu ca.

168) TIẾT TRUNG-THU NĂM CANH-THÌN, 1940

Cũng vành thu-nguyệt đó ai ơi,
Thu cũng thu xưa khác chuyện đời.
Không cỡi bè tre trên mặt nước, (1)
Lại đua chim sắt giữa lưng trời. (2)
Bánh xe nhơn-tạo dầu thay đổi,
Bức vẽ thiên-công cứ rạng ngời.
Muốn ngoắc chị Hằng-Nga xuống hỏi,
Dinh-hoàn, chị thấy cảnh gì vui ?

(1) **Sách Bác vật Chí.**— Sông Ngân-Hà thông dến biển, có người ở bờ biển mỗi năm mùa thu tháng tám, thì cỡi bè tre qua lại mặt biển với sông Ngân-Hả, không năm nào sai chậy.
Thi ông Đỗ-Phủ.— Thính viên thiệt hạ tam thanh lụy, phụng sứ bư tùy bát nguyệt sà. 聽猿寔下三声淚,奉使虛隨八月槎.
Thi ông Ngô-Dung.— Tùy phong trục lảng niên niên biệt, khước tiếu như kỳ bát nguyệt sà. 隨風逐浪年年別,却笑如期八月槎.
Thi ông Nải-Hiền.— Khỉ khan qui lộ Ngân Hà cận, nguyện tá Trương-Khiên bát nguyệt sà. 起看歸路銀河近,願借張騫八月槎.
Tiểu chú : Chữ sà nghĩa là bè, cỡi bè về mùa thu tháng tám, nên gọi là bát nguyệt sà.

(2) **Chim sắt** là tàu bay, trung tuần tháng tám năm nay là năm Canh-Thìn, (1940), chẳng những bên Âu-Châu, nước Anh với Đức giao chiến kịch liệt bằng tàu bay, mà ở bên Á-đông, nước Nhật đánh Tàu cũng bằng tàu bay, bay liệng không ngớt.

169) HỌA VẦN "THƯƠNG THỜI CUỘC" CỦA ÔNG KỈNH-CHỈ

(Tháng 9, năm Canh-thìn, Octobre 1940)

Bài thứ nhất

Năm châu bốn biển một vòng vày,
Cuộc chiến tranh sao nỡ khuấy rầy.
Trận mạc đành cam thân tướng-sĩ,
Quê nhà, cám khổ bạn thơ-ngây.
Đống tro binh-hỏa chưa vùi lại,
Hàng lệ tang-thương đã chứa đầy.
Rộng hẹp dành chi nhau quả đất,
Non sông đó của thợ trời xây.

170) Bài thứ hai

Chưa yên Tấn-Sở, Trịnh đà gây,
Khói lửa tưng bừng đông đến tây.
Cát lấp nguồn tinh, tinh đã cạn,
Sóng sôi biển hận, hận thêm đầy.
Ngọn rau tất đất như nhau cả,
Mũi đạn đầu tên chả thế này.
Chén rượu sa-trường ai chiến-sĩ,
Xin đừng giận gởi với hờn lây.

171) CON CHIM SẮT

(Tháng chín, năm Canh-thìn, Octobre 1940)

Chim chi chim chẳng dậu nhành cây,
Có cánh không lông lạ thể này.
No dạ chỉ ham dầu với lửa,
Si gan lại dỡn gió cùng mây.
Quanh vòng lục-địa xây nhiều tổ,
Giữa chốn tam-quan liệng cả bầy.
Sanh-động ở đâu nhiều thứ nhất, 生動
Luân-đôn là xứ ở trời tây. (1)

(1) Vì thời kỳ đó, tàu bay Đức qua đánh Luân-Đôn rất kịch liệt, mà tàu bay Anh đánh trả cũng hăng.

172) CẢM HỨNG

(Canh-thìn, 1940)

Thế-giải ba ngàn vậy ở đâu ?
Họa-đồ trông thấy chỉ năm châu.
Gió mây xáo lộn tuồng thiên-diễn,
Sông núi in nguy quả địa-cầu.
Nước biển no lòng con chuột lúi, (1)
Cây rừng dựa tổ cái chim sàu. (2)
Có chi chi cũng quyền ông Tạo,
Ai dại chi mà khóc bể dâu.

(1,2) Sách Trang-Tử : 鷦鷯巢林不過一枝,偃鼠飲河不過滿腹.

173) TIẾT TRÙNG-DƯƠNG NĂM CANH-THÌN

(1940, 64 tuổi)

Ngồi buồn cứ nghĩ chuyện đâu đâu,
Giở sách in xem quả địa-cầu.
Tấn kịch đình-hoàn thay đổi lớp,
Bức tranh sơn-thủy ngậm ngùi thu.
Tinh tay đã gặp ngày giai-tiết,
Nhẹ bước đi tìm cảnh thắng-du.
Nhưng chẳng lên non mà hái cúc,
Đến thăm quốc-cậu giữa Hoàng-châu. (1)

(1) Quốc-cậu ở tại Ngự-viên tánh phong-lưu hiếu-khách, có nuôi một đội ca-công và nữ-nhạc, danh tiếng giữa Hoàng-châu.

Tiểu chú : Năm vận bài thi này theo quốc-ngữ không đúng, mà theo vận tập thành thời thuộc về thập-nhứt-vưu không sai.

174) HỌA VẦN THI ĐÔNG HỨNG CỦA THIẾU-TRAI TIÊN-SANH

Lạ chi cúc tẻ với mai gầy,
Máy tạo xuây thời quả đất xuây.
Ba bốn nghìn năm ôn chuyện cũ,
Sáu mươi tư tuổi gặp ngày nay.
Non sông có đổi cơn nồng lạnh,
Vàng ngọc không sờn nghĩa đó đây.
Dầu trộ mưa chan luồng gió thổi,
Chim khôn khéo dậu vững nhành cây.

175) ĐỀ TẶNG BAN HÁT HÒA-LẠC

Đượm mảu son phấn vẻ cân đai,
Vỹ-dạ ta đây có vũ-đài.
Vở kép thanh-binh không thiếu bạn,
Cô đảo Hòa-Lạc chẳng thua ai.
Hát nam hát khách thêm nhiều điệu,
Ba cợt ba lơn dủ mọi tài.
Chỉ tiếc chưa ra tuồng Lộ-Địch,
Yêu hoa chưa thấy trổ nhành mai.

176) ĐÁP HỌA VẦN TỰ TÌNH CỦA THIẾU-TRAI TIÊN-SANH

(Thế lời cô đào Tuyết-Ngọc)

Không em không thiếu có không thừa.
Ơi bạn mình ơi đã biết chưa.
Trà nước thứ hai hương vẫn đượm,
Trăng đêm mười sáu vẻ càng ưa.
Theo bờ biển dục khôn ngăn sóng,
Đến cửa nhà nho hượm núp mưa.
Nhờ cậy ông Tơ xe chỉ với,
Phách, đàn nghiên bút sẵn nghề xưa.

(1940)

177) HỌA VẦN THI THU-CẢM CỦA ÔNG HOÀI-CỔ

(Người Huế, làm việc quan tại Bình-thuận)

Hơi sương đã nhuộm đóa hoa vàng,
Chiếc én bên Tàu đã liệng sang.
Đọc phú ông Tô càng hứng-cảnh,
Ngâm thi bác Đỗ lại tiêu-nhàn.
Tiếng ca cổ-độ mình thương nhớ,
Bầu rượu tha-hương khách thở than.
Ai cũng buồn thu ai cũng thế,
Có riêng chi bạn ở xa đường.

Tiểu chú : Bài này ba vần có chữ **G** đàng sau, 2 vần không **G**, nhưng họa vần phải theo vần, các bài khác cũng vậy.

178) KHÔNG CHỒNG TRÔNG BÔNG LÒNG

(Lấy năm chữ để làm vần)

Của đời ai có lại ai không,
Thua chị sao em chẳng có chồng.
Ba bảy quả mai đà quá muộn,
Mười hai bến nước những xa trông.
Tại con thanh-điểu đi lầm lối, 青鳥
Hay đóa đồ-mi chậm trổ bông ? 荼蘼
Xuân hết thu qua chờ đợi mãi,
Bạc đầu e nỗi quạ thay lông.

Tiểu chú : Đề này cụ Yến-Đồ, cụ Mộng-Phật và cụ Tam-Nguyên đã từng làm chung vần ấy, tôi sẵn lòng hâm mộ các Cụ, nên cũng theo nguyên vần mà làm cho vui.

179) ĐÁP HỌA NGUYÊN VẬN CỦA ÔNG GIANG-ĐÌNH ĐỀ TẶNG

Lễ Phật tôi không vái với Ngài,
Ngài cho mạnh khỏe sống còn dai.
Phước xưa để lại mong nhờ phước,
Tài mọn ra chi dám ỷ tài.
Bảy chữ ngâm đề năm chữ vụng,
Mười đều nguyện ước chín đều sai.
Lòng son tóc bạc ai thương tới,
Gánh nặng non sông tớ chẳng nài.

Tháng chạp năm Canh-thìn (Janvier 1941)

180) ANH KÉP HÁT TUỒI GIÀ TỰ THUẬT

Chân hia tay giáo bỏ đà lâu,
Chẳng tới lui nơi rạp hát chầu.
Quên lững trống kèn thay đổi nhịp,
Nhớ chăng nam khách một vài câu.
Mẹo tuồng xưa chỉ pho Tam-Quốc,
Tấn kịch nay dồn chuyện Ngũ-Châu.
Khỏe bước mình ra sân khấu lại,
Sấm vai quan lão sẵn chòm râu.

Tiểu chú : Tuân theo Thượng Dụ ngày 29 tháng 10 năm Bảo-Đại thứ 15 (28 Novembre 1940) ra làm Tư-vấn Viện-trưởng, nên có bài nầy tự ngụ, cho nhớ tiểu sử.

181) CÁC BẠN LÀNG THI VỸ-HƯƠNG VÀ PHÚ-XUÂN GẶP NHAU TẠI NHÀ ÔNG HỎE-ĐÌNH

Làng Phú-Xuân chơi với Vỹ-Hương,
Tối nay đông đủ bạn hai làng.
Kẻ tra người trẻ tuy nhiều bậc,
Con thảo tôi ngay vẫn một dường.
Nỏ vấn không vương vòng thế lợi,
Cứ vay rồi trả nợ văn-chương.
Ngày lo thiếu chữ không lo thuế,
Họ nói rằng điên họ cũng thương.

Ngày 8 tháng chạp, năm Canh-thìn
(5 Janvier 1941)

182) HỌA VẦN THI ÔNG MAI-LÂM NÓI CHUYỆN THUYẾT PHÁP Ở LIÊN-THÀNH

(Janvier 1941)

Chữ tâm là Phật, Phật là minh,
Thêm chữ từ-bi hộ chúng-sinh.
Văng vẳng đài xuân reo tiếng phụng,
Vơi vơi biển khổ lặng tăm kinh.
Nghe chuông Bát-Nhã khuây hồn-mộng,
Đến cửa Bồ-Đề rạng tánh-linh.
Hỏi khách Mai-Lâm phường đạo hữu,
Mấy phen qua lại cảnh Liên-Thành ?

183) SOI GƯƠNG SỚM MỒNG MỘT TẾT

(Năm Tân-tị, 27 Janvier 1941, 65 tuổi)

Ánh thiều-quang giọi buổi bình-minh,
Giở tấm gương ra soi mặt mình.
Tóc hạc chửa pha màu lốm đốm,
Da mồi đã dợn dấu linh tinh.
Rung đùi nảy vẽ luôn còn mạnh,
Sửa mão gài đai lại cứ xinh.
Nửa thẹn, nửa tươi cười với bóng,
Tuổi thêm, thêm lắm nợ phù-sinh.

184) THÚ CHƠI NGÀY TẾT

(Tân-Tị Janvier 1941)

Lẫn nơi thành-thị chốn hương-thôn,
Tết nhứt thăm nhau tục hãi còn.
Năm mới không quên người bạn cũ,
Tuổi tra thêm nhớ chị đào non.
Mở hàng chực sẵn tay nghiên bút,
Ra rạp tìm thêm vẻ phấn son.
Mãn tiệc thi rồi nghe tiếng hát,
Dễ say bầu rượu chú Vương-tôn.

185) ĐÁP BÀI THI KHAI BÚT NĂM TÂN-TỊ CỦA ÔNG ĐÔNG-CHI

(Bạn tôi là ông Tôn-thất-Đãi, tự Đông-Chi thị, Thông-phán tỉnh Bình-Thuận, gởi cho tôi bài thi khai bút, lấy 7 chữ *« KHAI BÚT ĐẦU NĂM VIẾT CHỮ TÌNH »* làm câu phá, nên tôi theo câu ấy vần ấy làm đầu câu mà đáp phục).

Khai bút đầu năm viết chữ tình,
Chữ tình ghi nhớ lại phân-minh :
Tình hoa cỏ mới xuân Tân-tị,
Tình nước non xưa bạn Quảng-Bình. (1)
Tình với câu thi trong cửa động, (2)
Tình theo tiếng hát giữa sông Gianh. (3)
Tẻ, vui, mặn, lạt, tình chi xiết,
Tan hiệp nhiều phen bởi lợi danh.

(1) Tôi với ông Đông-Chi hai mươi năm trước đều khách hoạn ở Quảng-Bình.

(2, 3) Cửa Động là Động-Hải, sông Gianh là Linh-Giang, hai chỗ năng xướng ca ngâm vịnh cùng nhau.

Tháng giêng năm Tân-Tị (Janvier 1941).

186) XUÂN NHỰT CẢM HỨNG

(Theo vần thi khai bút của ông Phạm-phú-Tiết Án-Sát Thanh-Hóa)

Đượm thú điền viên bảy tám năm,
Năm nào khách cũng tới lui thăm.
Bạc hưu tháng lãnh chừng trăm mốt,
Thẻ hạc xuân dồn đã sáu lăm.
Mổ túi văn-chương nhiều bạn-tác,
Dựng nền thi-lễ có anh-tam. (1)
Xa xa khói lửa mình không thấy, (2)
Thấy cảnh thăng-bình nước Việt-Nam.

(1) Nữa tỉnh Thừa-Thiên dĩ bắc đến tỉnh Quảng-Trị, Quảng-Bình thường gọi anh em là anh-tam.

(2) Hiện thời Anh, Đức, Ý và Hy-Lạp đương đánh nhau ở Âu-Châu; Trung-Nhật, Xiêm, Lào đương đánh nhau ở Á-Châu.

187) QUÁN CƠM ÂM-PHỦ

(Tại ngỏ ba đường Đất-Mới, là đường đặc-biệt của thú lâu xanh, lại quán này mở cửa bán buổi khuya khi 11 giờ đến 5 giờ sáng mới đóng cửa, nên tục gọi là "Quán cơm Âm-phủ".

Bài thứ nhất

Chỉ bán ban đêm chẳng bán ngày,
Quán cơm Âm-phủ chộ rồi đây.
Đèn chong đuốc lặng khuya càng tỏ,
Cá ngọt canh ngon thức sẵn bày.
Mưa móc trời xuân rơi đã khắp,
Chị em đất mới ngủ còn say.
Cớ trêu lão lại cười cho lão,
Thắp đuốc chơi đêm kể chuyện nầy.

188) Bài thứ hai

Lóe ngọn đèn khuya góc ngả ba,
Tranh tre thấy chỉ một gian nhà.
Giắt tay bạn hữu vào chơi với,
Sẵn món cao-lương nếm gọi là.
Tiệc khách tới lui dồn mãi mãi,
Tiếng gà xao xác ở xa xa.
Quán nầy gọi quán cơm Âm-phủ,
Sao có người ăn chẳng có ma!

Tháng giêng năm Tân-Tị (Février 1941)

189) NÓI CHUYỆN VỚI ĐẠO-HỮU PHẬT-HỌC

Cứ lanh quanh mãi cuộc phiền-ba,
Tuổi sáu mươi lăm cũng đã già.
Chưa mến quyển kinh cùng quyển kệ,
Vì ham câu lý lẫn câu ca.
Nếu trò ỏi-lỏi không xem lại,
Thời chuyện luân-hồi khó hiểu qua.
Chữ Phật trong lòng tôi đã sẵn,
Rồi đây tôi cũng áo cà-sa.

Tháng giêng năm Tân-Tị (Février 1941)

190) THẾ LỜI CÔ ĐÀO TUYẾT-NGỌC LƯU-GIẢN, KHI TRỞ VỀ VINH

(Tháng sáu năm Tân-tỵ, Juillet 1941)

Giả bạn Ô-Châu khách Đế-Thành,
Quê nhà quạy quả thiếp ra vinh.
Ngửa hai tay trắng cười duyên phận, (1)
Vin bốn tao nôi kể sự tình. (2)
Đàn phách hãi còn theo dặm tía,
Phấn son chưa dễ phụ mày xanh.
Nhớ ơn quân-tử thi đề tặng, (3)
Nhớ cảnh Hương-Giang nhớ Ngự-Bình.

(1, 2) Cô Tuyết-Ngọc **hát hay đàn hay** mà ngâm thi lại càng hay, quán ở Vinh, khi vào ở **Huế độ 20 tuổi,** đến nay đã 7 năm, giá trị chầu hát rất cao, mà **vương-tôn** qui-khách cũng không tiếc tiền mua câu hát, nên cô **Tuyết-Ngọc** trở **nên** giàu ; vừa năm ngoái bỗng dưng một giấc mộng mà thành thai, cô vui với mộng triệu ấy, bỏ nghề hát ; tánh cô tiêu phí quá rộng ; đến tháng năm năm nay sanh được một gái, quyết kế trở về quê hương. Khi ra đi đồng tiền trong tay không được dư dả, nhưng rứa mà cũng vui, vui vì chút con. Chúng tôi đến tiễn biệt, thấy cô ta ru con mà hát nhiều câu rất lý thú.

(3) **Mặc-khách tao-nhơn** tới chơi nhà cô **Tuyết-Ngọc,** năng có thi **đề tặng,** hay là đặt ca trù cho cô ta hát. Tôi cũng có mấy bài ca trù về vấn đề cô **Tuyết-Ngọc** số 26, 28, 29, 30 trong bản thảo **Bán-Buồn Mua-Vui.**

TIỄN ĐƯA QUAN PHỦ THỪA HÀ-NGẠI

Hiệu Thiếu-Trai thuyên bổ Ấn-Sát Bình-Định (tháng sáu nhuận năm Tân-Tỵ, Août 1941)

191) Bài thứ nhứt

Vơi vơi chén rượu giữa Trường-An,
Ca khúc lý-ca gảy nhịp đàn.
Xứ Quảng xứ Kinh tuy khác xứ,
Quan Thừa quan Ấn cũng là quan.
Mảng vui trăng gió tình qua lại,
Không ngờ mây bèo lối hiệp tan.
Còn nhớ còn thương còn gặp gỡ,
Xin đừng bợ ngợ bước Dương-quan.

192) Bài thứ hai

Vơi vơi biển hoạn vững con thuyền,
Đâu cũng là vui phận với duyên.
Cờ trống Niết-đài ri mấy bận ? (1)
Áo xiêm Kinh-triệu chửa đầy niên. (2)
Sóng êm biển Nại mừng quan mới,
Hoa nở thành xuân nhớ bạn hiền.
Có chuyển rồi đây thăng phải có,
Có khi thăng chuyển lại đoàn-viên.

(1, 2) Ông Hà Thiếu-Trai mấy năm trước làm Án Sát Bình-Thuận, năm ngoái bổ về Phủ-Thừa ở Kinh, chưa đầy một năm, lại đi Án-Sát Bình-Định.

193) Bài thứ ba

Biết mình đây sẵn tánh ngâm thi,
Sao bạn tài-hoa nỡ tách đi.
Cô Tuyết về quê không nói nữa, (1)
Cụ Hà vô Quảng có vui chi ! (2)
Cũng vì vướng lở dây danh-lợi,
Nên phải cười thầm bước biệt-ly.
Chúc cả hai bên đều mạnh khỏe,
Sang năm trở lại chốn Kinh-kỳ.

(1) Cô Tuyết là cô đào Tuyết-Ngọc, quán ở Vinh, ngâm thi là nghề tuyệt-diệu, vô ở Kinh gần bảy năm, mới tháng sáu năm nay trở về quê củ.

(2) Cụ Hà tức là ông Hà-Thiếu-Trai năng ngâm vịnh.

194) DẠO CHƠI TRONG VƯỜN, TỨC CẢNH

(Ngày mồng 7 tháng 8 năm Tân-Tỵ, 27 Septembre 1941)

Xởn gió sưa mưa buổi tạnh trời,
Dạo quanh vườn cũ ngắm thu chơi.
Mảy xanh dương-liễu tơ tan-tác,
Má thắm phù-dung lụy nhỏ rơi. (1)
Xây tổ bầy ong đương rủ bạn,
Liệng vành con bướm vẫn trêu ngươi.
Tình nầy cảnh ấy khi hiu quạnh,
Khói lửa xa xa nhớ cuộc đời.

(1) Bông phù-dung nở tháng tám là chánh mùa.

195) ANH ĐỨC CHIẾN TRANH

(Tháng tám năm Tân-Tỵ, Septembre 1941)

Tranh quyền bá chủ Đức cùng Anh,
Biển Đại-tây-Dương biển Thái-Bình.
Sấm dạn mưa bom bay tở mở,
Thành vàng lũy sắt phá tan hoanh.
Hơn thua chửa quyết trường xu-liệt,
May rủi thêm buồn cuộc tử sanh.
Còn ỷ máy kia khoe máy nọ,
Không kiên máy Tạo giữa tầng xanh.

196) TIỆC CHƠI ĐÊM 14 THÁNG TÁM NĂM TÂN-TỴ (1941) TẠI NHÀ ÔNG VU-HƯƠNG

(Bạn bè của thi-xã Vỹ-Hương và Phú-Xuân và thêm các bạn mới dự tiệc ấy).

Khách lạ tươi cười lẫn khách quen,
Trăng soi giữa tiệc sáng như đèn.
Anh em bốn bể nhìn đông mặt,
Bạn tác hai làng đếm đủ tên.
Chén rượu Vu-Hương ngon phải nhớ,
Câu thi Thúc-Giạ dở đừng quên.
Thu nầy hẹn với thu sau nữa,
Gặp chị Thường-Nga sẽ lắm phen.

197) LỜI CA-NHI CÒN THIẾU NGẠI

Ca một đôi câu mới trò nghề,
Tuổi em còn bé lại còn quê.
Cành chim lá gió em chưa thạo,
Bị bạc chơi đêm khách quảy về.

198) LỜI CA-NHI ĐÃ THẠO ĐỜI

Khách làng chơi cứ hỏi tên em,
Chị đứng hai bên khách chả thèm.
Khách hãi còn quê chưa biết chị,
Vin cờ dựt giải thủ chơi đêm.

199) LỜI CA-CƠ ĐÃ CÓ TUỔI

I

Hà-mô dậy tiếng thuở xưa tê,
Chủy, giốc, cung, thương, đã thạo nghề.
Sao chị theo em đàu giữa tiệc,
Họ không thèm ngó nỏ thèm nghe.

II

Họ không thèm ngó nỏ thèm nghe,
Không phải dây tơ chuốt vụng về.
Ngảnh lại trong gương rồi mới biết,
Mặt hoa mày liễu khác năm tê.

200) TIẾT TRÙNG-DƯƠNG NĂM TÂN-TỊ (1941)

Tiếng chim hồng nhạn ở trên không,
Đã tiết Trùng-Dương ướm lạnh lùng.
Mưa gội ngàn mai thay đổi lá,
Sương pha khóm cúc đượm đà bông.
Chạnh lòng năm trước câu thi cũ,
Lỗi hẹn, non cao chén rượu nồng.
Thương, giận, buồn, vui, ai có biết !
Một lời xin nhắn hỏi tao-ông ?

201) HỌA VẦN THI TRÙNG-CỬU

Năm Tân-Tị của Vĩnh-Hòa huỳnh ông (1941)

Đôi ta xướng họa hãi còn nhiều,
Tình tự bao nhiêu cảnh bấy nhiêu.
Dồn nhập gió mưa trên đất cũ,
Nhợt phai hoa cỏ lối trời chiều.
Câu thi bạch-tuyết nghề danh-sĩ,
Cốc rượu hoàng-hoa thú lão-diêu.
Say tỉnh, cho qua ngày cửu-nhựt,
Non sông lỗi hẹn với ngư tiều.

202) BUỔI CHIỀU THU DẠO CHƠI THÀNH PHỐ HUẾ, TỨC CẢNH

(Ngày 13 tháng 9 năm Tân-Tị, 1941)

Chiều chiều xe lão dạo đi chơi,
Ngắm cảnh phiền hoa ngắm sự đời.
Tan chợ Đông-Ba người rải rác,
Kêu đò Nam-Phổ khách chơi vơi.
Phấn son đất Mới màu chưa nhợt, (1)
Cây cỏ trời thu vẻ cứ tươi.
Đập đá trở lui vừa chạng vạng,
Đuốc ngư-ông đã giọi ngoài khơi.

(1) Đất mới là chỗ đặc-biệt của bạn lầu xanh.

203) CẢNH NƯỚC LỤT SÔNG HƯƠNG

Ngày rằm tháng tám năm Tân-Tị (3 Novembre 1941)

Mưa dừng, gió lại thổi vo vo,
Cái lụt chơi chơi lấp nổng gò.
Dồn nhập sóng sau xô sóng trước,
Nghênh ngang thuyền nhỏ lẫn thuyền to.
Nước trong ra đục chìm tăm cá,
Ruộng cạn thành sâu ngóng cổ cò.
Một giải sông Hương nầy đã thế,
Trăm ngàn sông nữa biết chừng mô !

204) VỊNH BỨC BÓNG CỦA MÌNH

(Khi sung chức Tư-Vấn Hội-Đồng Hội-Trưởng Viện Nhân-Dân Đại-Biểu Trung-Kỳ)

Cũng lai cũng mất với người ta,
Cũng dạng huy-chương với thẻ ngà:
Hai chữ "Thượng-Thơ" thành bốn chữ, (1)
Chữ ra Dân-Viện chữ quê nhà. (2)

(1, 2) Trung tuần tháng 9 năm Bảo-Đại thứ 16, tiếp Bộ Lễ tư rằng 23 tháng ấy là lễ Vạn-Thọ, ông Viện Trưởng có đi bái khánh, thời đứng phẩm-sơn chánh nhì (2-1). Vậy là theo hàng quan hưu về phẩm-sơn Thượng-Thơ, mà Viện-Trưởng cũng Thượng-Thơ, nên ghi mấy vần thi nầy cho nhớ tiểu sử.

205) NÓI CHUYỆN VỚI CÔ ĐÀO KHIÊU-VŨ

Nhảy vọt chi chi rứa dễ phiền,
Chị em ta hãy cứ ngồi yên.
Người khôn ít nói nhưng nhiều chuyện,
Hoa đẹp không cười cũng có duyên.
Rộn nét đơn-thanh màn đòi-lỗi,
Thua đồ thủy-mặc bút thiên-nhiên.
Thôi đừng phụng múa oanh ca mãi,
Sau khỏi gây buồn lệ đỗ-quyên.

206) HOÀI CỔ

Đội gạo cảm thương tinh Tử-Lộ,
Mang bầu chạnh nhớ cảnh Nhan-Uyên
Lòn trôn giữa chợ ông Hàn-Tín,
Thổi sáo quanh thành bác Ngụ-Viên.
Vì nước chịu phơi thây tráng-sĩ,
Ngặt nhà cam lỗi bước thuyền-quyên.
Hởi ai nệm túy màn loan đó,
Chớ bảo ai là dại với điên.

XIN CHÚ Ý.— Thể thi thất ngôn luật thường kỵ lối bình-đầu tịnh-cước, vì bình-đầu hay là tịnh-cước thời âm hưởng trùng phục, mất vẻ du-dương. Sáu câu đi trước bài thi nầy đều bình-đầu mà lại tịnh-cước cả ; nhưng cái vần mới, êm với cái điển xưa, nên tôi không nỡ loại ra, mà liệt vào đây để làm vui cho sự phẩm bình của độc giả.

207) VỢ TRÁCH CHỒNG

(Vì ông chồng có tánh ngâm thi)

Kinh-luân kinh-tế chẳng theo thời,
Thi Tống thi Đường dẩm chuyện chơi.
Tài-liệu câu thi không đỡ đói,
Ngâm hoài ngâm mãi rứa anh ơi!

208) CHỒNG TRẢ LỜI

Đói nghèo em bậu, biểu đừng lo,
Thi phú là cơm của học trò.
Vách mấy ngồi ngâm Gia-Cát-Lượng (1)
Xây nên vạc Hán giữa Thành-Đô. (2)

(1) Bốn chữ « vách mấy ngồi ngâm » là dịch theo bốn chữ « Bảo tấc trường khiếu » về biệt truyện ông Gia-Cát-Lượng.

(2) Ông Gia-Cát Lượng giúp ông Lưu-Bị dựng nên nhà Thục-Hán, đóng đô ở Thành-Đô Vạc Hán là vì thiên hạ chia ra ba phần, Ngụy, Thục, Ngô, gọi là tam phân đỉnh túc; đỉnh túc là chưn vạc, nên gọi là Vạc-Hán.

Tân Tỵ 1941

209) GƯƠNG ĐỜI

Cha hiền con thảo ấy lề chung
Tôi phải ngay Vua gái trọn chồng.
Đã có cơm ăn cùng áo mặc,
Khi nào cũng có nợ non sông.

Tân Tỵ 1941

THƯƠNG GHÉT TÌNH ĐỜI

210) Câu hỏi

Thương con bướm bướm ghét con ong,
Thương ghét ai ai cũng một lòng.
Rảo bước vườn hoa ơi các chị,
Vì sao thương ghét rõ hay không ?

211) Câu trả lời

Cái hình con bướm chỉ trêu ngươi
Cái dọc con ong năng đốt người. (1)
Mình ghét cái ong thương cái bướm,
Chẳng qua câu chuyện nở mà thôi.

(1) Chỗ gọi là dọc ong, lại có chỗ gọi là nọc ong, tuy khác nhau, nhưng cũng một vần, cũng một ý nghĩa.

112) Ong nói với bướm

Cũng ra nếm nhụy cũng tìm hương,
Lui tới hoa-viên cũng một phường.
Nhưng bạn áo xiêm màu rực rỡ,
Ai trông thấy bạn cũng đành thương.

213) Bướm trả lời với ong

Áo xiêm rực rỡ ích gì đâu
Họ mến mà khinh tôi cũng rầu.
Ước được như chàng thân chiến-sĩ (1)
Thước gươm thiên-tạo quảy đàng sau. (2)

(1, 2) Chiến-sĩ-thân 戰士身, thiên-tạo-kiếm 天造劍 là hai điển tích con ong.

214) MỸ NHỰT KHAI CHIẾN KỶ SỰ

(Ngày 21 tháng 10 năm Tân-Tỵ, 9 Décembre 1941)

Mười chín tháng mười năm Tân-Tỵ, (1)
Tuyết ủ mưa dồn cận Đông-Chí.
Có tin chộn rộn buổi hoàng hôn,
Là tin chiến-tranh Nhật với Mỹ.
Vì ông Đại-sứ của Phù-Tang,
Ở Hoa-thịnh-Đốn mưu đề nghị.
Những câu ngon ngọt chả vào tai,
Phú cường hai bên đều ỷ-thị.
Ngoại-giao bước tới đã cùng đường,
Trắng, đỏ cuộc cờ lâm nước bí.
Ngày hai mươi mốt xem báo-chương, (2)
Biết hẳn tin đồn kia chẳng ngụy.
Tàu bay tàu lặn đã xông pha,
Từ vịnh Mã-Lai đến Ma-Ní. (3)
Xa vời đến đảo Hạ-uy-di, (4)
Tận đảo Lu-Lu hòn tí-tí. (5)
Lao xao mặt biển Thái-bình-Dương,
Da đỏ, da vàng lắm binh bị.
Lên trời xuống biển lẹ như chơi,
Lắm mặt anh hùng tay tráng sĩ.
Lục-thao tam-lược có đồ thư,
Đủ chước nhập thần mưu xuất quỉ.
Nầy ai gây phải họa chiến tranh,
Đại-Đức Ba-Lan người xướng thỉ.
Làm cho các nước ở Âu-Châu,
Xáo lộn bản đồ, tay vị-trí.
Đến nay ròng rã quá hai năm, (6)
Mặt trận Đức, Nga còn chưa nghỉ.
Biển Đông bổng chốc dợn tăm kinh,
Rộn cả nguồn Kinh đến sông Vị.
Ước sao cho cõi Việt-Nam mình,
Ao cá lửa thành khỏi liên-lụy.

(1) 7 Décembre 1941.
(2) 9 Décembre 1941.
(3) Mã-Lai là Malaisie, Ma-Ní là Manille.
(4) Hạ-uy-di là đảo Hawai.
(5) Lu-Lu là đảo Honolulu, hay là Đản-hương-sơn.
(6) Ngày Đức với Ba-Lan khai chiến là 2 Septembre 1939, đến nay đã hai năm ba tháng.

215) CUỘC CHIẾN TRANH HOÀN-CẦU

(Đức với Ba-Lan gây cuộc chiến tranh ngày 2 Septembre 1939, (ngày 19 tháng 7 năm Kỷ-Mão) rồi chiến-họa tràn lan cả Âu-Châu : hiện giờ Đức với Nga đương kịch chiến, Nhựt lại tuyên chiến với Mỹ ngày 7 Décembre 1941, là ngày 19 tháng 10 năm Tân-Tỵ).

Rõ ràng Thế-giái cạnh tranh nhau,
Sóng gió rung rinh quả địa-cầu.
Mỹ, Nhựt, thuyền giăng trên biển Ả,
Đức, Nga, quân kéo giữa vừng Âu.
Nước cờ mãn cuộc sau chưa đến.
Lửa họa nhen mồi trước đã lâu.
Vì tướng Ba-Lan khinh tướng Phổ,
Trận bom năm Mão hóa cồn dâu. (1)

(1) Trận Ba-Lan với Đức đánh nhau tháng Septembre 1939 (Kỷ-Mão) chỉ bom trên tàu bay thả xuống, chưa dùng đến xe tăng và đại-bác.

THẬP-DI

Từ số 216 đến 235 đều là bài thi không có trong bản thảo, chỉ nhớ lại mà biên vào đây, nên gọi là Thập-di.

Những bài Thập-di sau nầy không có thứ tự niên-biểu, nhưng số mục cứ tiếp theo luôn với số 215 ở trước.

216) HỌA VẦN THI KỶ SỰ NẠN XE ĐIỆN ÔNG ĐỐC-TỜ PHAN-VĂN-HY

Ngày 20 tháng sáu năm Mậu-Dần, 1938, ông quan Tư bào-chế với một ông quan Ba thầy thuốc đi xe điện ở Huế ra Quảng-trị. Đến chiều, hai ông ấy chở ông Phó-sứ Quảng-trị và ông Phan-văn-Hy vào Huế; đi được nửa đường bỗng chốc cái xe chạm vào lan-can một cái cầu nhỏ nhỏ về địa phận làng Phú-trạch, thời xe ngã. Ông quan Tư và ông quan Ba đều chết tại đó. Ông Phó-sứ và ông Đốc Hy đều bị thương xoàng, có xe khách qua đường chở về nhà thương Huế điều dưỡng được an toàn, nên có bài kỷ sự này).

Cũng là họa gió cũng tai bay,
Đâu phải đi xe chẳng lựa ngày.
Khách chủ bốn người ngồi bốn chỗ,
Mất còn hai rủi với hai may.
Lao xao biển hoạn nhiều cơn sóng,
Rải rác rừng nho mấy cụm cây.
Sống chả thừa đâu ơi hỡi bạn, (1)
Thảo thân ngay chúa nợ còn đây.

(1) Vì bài nguyên tác của ông Phan-văn-Hy về vận may có câu : « Chết ngất cảm thương phần bạn rủi, sống thừa dám nghĩ chuyện mình may.»

62 tuổi

217) ĐỀ TẶNG BẠN HÁT QUẢNG

Diu dắt tay nhau đến vũ-đài,
Hỏi nhau diu dắt đến coi ai.
Hát thời bạn Quảng hay nhiều lớp,
Đảo có cô Hàng sắm đủ vai.
Giả dại con Cơ nghề đã lẫu,
Thoát hài họ Mạnh nếp không sai.
Tấn tuồng khi vãng còn đông rạp,
Kẻ hẹn người hò bữa tối mai.

(1933, Quí-Dậu 57 tuổi)

218) ĐƯỢC THƯỞNG BẮC-ĐẨU-BỘI-TINH

(Ngũ ngôn cổ thể)

Cái Bắc-đẩu Bội-tinh,
Gọi là mảy đay đỏ.
Bạn không mình cũng không,
Bạn có mình cũng có.
Mặt mũi người An-Nam,
Phấn son thầy Bảo-Hộ.
Công danh đức nghiệp chi,
Lòng ai ai nấy rõ.

(1930)

219) LÊN CHƠI NUI BẠCH-MÃ

Kỳ tháng chạp năm Mậu-Dần, 1938

Non cao, cao mấy cũng lên đủa,
Bạch-mã là nơi cận núi Vua.
Chân bước ngợ ngàng hai mắt cả,
Đường đi quanh quẹo bảy càng cua. (1)
Cây xây đá dựng trên ngàn thước,
Khói đợn mây giăng cả bốn mùa.
So cảnh Ba-Na, cảnh Đà-Lạt,
Không hơn mà ngó cũng không thua.

(1) Tự chân núi lên đến chóp núi, đường đi độ 10 cây số, phần nửa đã đi xe điện được, còn phần nửa đường đi bộ ; mấy người phu sở tại làm nghề gánh kiệu và gánh võng vừa đi vừa nói chuyện rằng, đoạn đường đi bộ này có mười chỗ quanh quẹo khó đi, mà trong mười chỗ ấy có bảy chỗ rất hiểm gọi là càng cua.

(62 tuổi)

220) NGÀY HAI MƯƠI THÁNG SÁU NĂM KỶ-MÃO, TIỆC ĐÃI ÔNG KỈNH-CHỈ, KỶ-NIỆM KHỎI NẠN XE HƠI NĂM NGOÁI

(Lối thi cổ)

Năm ngoái bạn ngã xe,
Năm nay bạn còn đó.
Nếu bà Mụ không thương,
Thời đã xanh đám cỏ.
Sen cuối hạ còn tươi,
Cúc đầu thu ướm trổ.
Mở tiệc rượu chu-niên,
Chúc mừng thêm tuổi thọ.

(63 tuổi)

221) GỞI THĂM ÔNG QUẬT-ĐÌNH,

(Tuần-Vũ Hà-Tịnh, 1929)

Đôi lời xin nhắn gởi về Kinh,
Hỏi khách phong tao bác Quật-Đình.
Thi đã quá ngàn câu tuyệt-xướng?
Ca thêm đặng mấy bản Nam-Bình?
Túy-Vân chửa chán đả Thiên-Mộ,
Ngọc-Trản bưa chơi đến Ngự-Bình.
Giữa hội Trùng-Dương tranh bác-đật,
Râu hùm hàm ếch hãy phân minh. (1)

(1) Vì có bức đồ vẽ tám cụ hưu quan, trong ấy có ông Quật-Đình

222) VỊNH CHIÊU-QUÂN

(Theo văn ông Kinh-Chi, Đinh-Sửu 1987)

Ngàn thu ai dễ biết ai mô,
Như chị Chiêu-Quân chẳng cống Hồ.
Lẫn với cung-nhơn nơi Cấm-dịch,
Sao bằng Hoàng-Hậu nước Hung-Nô.
Nửa thương nửa tiếc vua nhìn mặt,
Bên oán bên ân thợ vẽ đồ.
Một khúc tì-bà ra ải tía,
Lại hơn ngũ tiết của chàng Tô.

(61 tuổi)

223) THẤY BẦY CHIM CỘC CỘC ĐẬU TRÊN LÙM CÀY TRƯỚC CÔNG-VIÊN,

(tại bến tòa Khâm gần đầu cầu Trường-Tiền)

Cả bầy cộc cộc xúm đen cây,
Không đậu non xanh đậu chỗ này.
Ừ, phải, chim khôn chim khéo lựa,
Thạo nghề săn bắn chẳng vô đây.

(1937)

224) HAI NGƯỜI PHU XE NÓI CHUYỆN VỚI NHAU, NĂM 1937

(Thể trường-thiên diệu cổ)

LỜI ANH GIÁP.— (**Anh Giáp cầm xe mình để đón khách tại ngả ba An-Cựu, thấy anh Ngựa kéo xe không trên đường Ngự-Bình đi xuống, chào rồi nói**)

Anh Ngựa kéo xe không,
Rợt khách đâu về đó.
Có mỏi dừng lại đây,
Nầy nầy trên đám cỏ.
Câu chuyện tôi mới nghe,
Chắc là anh chưa rõ.
Người nước Mỹ mới sang,
Đều thiên-hộ bá-hộ.
Hơn trăm mấy chục ông,
Sẽ dạo chơi phường phố.
Mình hãy xuống chợ Đông,
Mình kéo xe cho họ.
May đặng năm bảy đồng,
Cũng là như trúng số.

225) ANH NGỰA TRẢ LỜI

Nghe qua cũng hay hay,
Nghĩ lại thời khó khó :
Thầy Đại-Pháp sang đây,
Mấy mươi năm Bảo-hộ.
Mỗi ngày mỗi gặp nhau,
Tiếng tăm còn chưa rõ.
Huống người Mỹ-lợi-kiên,
Ấy là người da đỏ.
Họ nỏ biết chi mình,
Mình không quen chi họ.
Qua lại giữa thành xuân,
Đi nhiều đường nhiều ngõ.
Họ ưng trầy bên kia,
Mình kéo qua bên nọ.
Câu ngôn ngữ bất đồng,
Biết đâu mà cãi cọ.
Chi bằng ở lại đây,
Đón khách đã có chỗ.
Xe mình kéo người mình,
Ít lời nhưng chẳng lỗ.

(61 tuổi)

226) HỌA VẦN THI NHÀ MỚI CỦA VU-HƯƠNG HIỀN-ĐỆ. (Août 1939)

Nhà cũ xinh mà mới cũng xinh,
Chú Vu-Hương ở cận bên mình.
Cơ đồ dựng nổi, bàn tay trắng,
Bạn tác nhìn nhau, vẻ mắt xanh.
Hóng gió xe giong đường cửa Thuận,
Chơi trăng trải đậu bến đò Gành. (1)
Sẵn kho văn tự nền thi lễ,
Vĩ-Dạ đây là nhứt xứ Kinh.

(63 tuổi)

(1) Đò Gành tại đập-đá Thọ-Lộc.

227) CHIM KHÓC TỔ

Con sáo trên cành giọng nỉ non,
Sau cơn gió bảo trận mưa dồn.
Liệng quanh cái tổ tan tành đó,
Là tổ thương-tâm mẹ vắng con.

1929, khi Tuần-vủ Hà-tịnh, 53 tuổi.

228) ĐẾN LÀNG CHỢ CẠN

(Tức là làng Thượng-Trạch, phủ Triệu-Phong, ở đó có hát bội gọi là bạn chợ cạn, mà đức Thọ-xuân-Vương lập ra ngày xưa. Bây giờ kép hát về đời Ngài quá vãng rồi, mà bạn thiếu-niên còn nối nghệ, ở chung quanh chợ, làng ấy).

Đi qua chợ Cạn viếng người thương,
Viếng kẻ ca-công giữa thị-trường.
Vẻ thái-bình xưa nghe học lại,
Ngùi ngùi nhớ đức Thọ-xuân-Vương.

1922, Tri-phủ Triệu-phong, 46 tuổi.

229) KHAI BÚT NĂM CANH-NGỌ, 1930

(Theo vần khai bút của ông Ưng-Trình Kinh-triệu-Doãn).

Năm sáu, còn mong bảy tám mươi,
Riêng ta, ta gẫm lại buồn cười.
Một năm tuổi tác dồn thêm một,
Mười chuyện khôn ngoan thiếu cả mười.
Son phấn mua duyên đành hổ bạn,
Áo xiêm ra rạp cũng in người.
Nối điều nay sẵn vần kinh-triệu,
Gọi có câu thi ngỏ với đời.

Tuần-vũ Hà-tịnh, 54 tuổi.

230) HỌA VẦN THI ÔNG LỖ-THÀNH, THÂN-TRỌNG-NGẬT

(Khi tôi làm Tuần-Vũ Hà-tịnh, là ông Thân-trọng-Ngật làm Bố-Chánh, ông Tôn-thất-Phán làm Án-Sát, năm nay tôi làm Phủ-Doãn, thời ông Tôn-thất-Phán làm Phủ-Thừa, ông Thân-Trọng-Ngật về Tham-Tri bộ Hình, đều ở Huế).

Một năm xa ngái cũng bưa vừa,
Gặp gỡ nhau rày đã sướng chưa !
Danh lợi hai đường theo rứa mãi,
Mày râu ba lão ngó như xưa. (1)
Sông Hương dẫu vẹn tình mây nước,
Ngàn Hống khôn khuây nỗi gió mưa. (2)
Già chửa hết duyên thêm lắm nợ,
Còn duyên nên kẻ đón người đưa.

(1) Câu chuyện ba lão, xin coi hai bài ca trù về quyển Bán buồn mua vui
2) Nhớ lại lúc dân biểu-tình năm 1929 ở Hà-Tĩnh.

231) THẾ LỜI CA-CƠ NÓI CHUYỆN VỚI THI-SĨ

(1904, Ký-Lục Hội-An)

Dưới nguyệt vơi vơi một chén đồng,
Non vàng không đổi khối tình chung.
Bút nghiên ai đó đừng đen bạc,
Son phấn tôi đây vẫn mặn nồng.
Hát khách đờn nam xin chớ ngại,
Gương trong nước đục kể sao cùng.
Phen này phải cậy ông tơ với,
Xe buộc cho săn mối chỉ hồng.

232) TIỄN BIỆT NGƯỜI TÌNH

(1904, Kỷ-Lục Hội-An)

Ngọn gió ngành xuân thổi phất phơ,
Khi đưa khi đón lại khi chờ.
Câu thi tiễn-biệt càng ngao ngán,
Chén rượu tương-phùng luống ngẩn ngơ.
Ngoắc bạn bạn đành chân bước tới,
Kêu ai ai dã bộ làm lơ.
Thôi thôi đã thế thôi thì thế,
Thương cũng xin vâng ghét cũng nhờ.

233) COI TÀU BAY ÔNG MẠC-BẮC, (MARC POURPRE) NĂM 1912,

là Đông-Dương mới thấy tàu bay lần đầu.

Tàu đi dưới nước hãy còn thường,
Bay giữa hư-không mới lạ dường.
Lèo lái ấy ai gan quá lớn,
Là ông Mạc-Bắc ở Tây-Dương.

Tri-Huyện Hòa-Vang, 36 tuổi.

234) VẤN ĐỀ DẦU XĂNG, RƯỢU CHÁT THIẾU DÙNG

(Năm Tân-Tị 1941, vì cuộc hoàn cầu chiến-tranh, đường xuất cảng nhập cảng không giao thông, nên dầu xăng và rượu chát đều thiếu dùng)

Chớ mợt đừng ham của Thái-Tây,
Chán chi nguyên liệu của mình đây.
Dầu xăng thiếu đã dư dầu phụng,
Rượu chát không thời sẵn rượu cay.
Chong lắm ngọn đèn lu cũng sáng,
Ngâm đôi vị thuốc bổ mà say.
Lối văn-minh cũ quanh vòng lại, (1)
Năm chục năm trên vẫn thế nầy. (2)

(1, 2) Truyện Kim-Vân-Kiều có câu : « Nỗi riêng riêng những bàn hoàn, dầu chong trắng dĩa lệ tràn thấm khăn ». Câu ca dao rằng : « Lu-ly nửa nước nửa dầu, nửa thương cha mẹ nửa sầu nhơn duyên ». Ấy là dủ làm chứng cho lối văn minh ngày xưa.

235) KHUYÊN CON

Chớ ỷ giàu sang chớ thị quyền,
Học hành con phải gắng cho chuyên.
Hiếu trung hai chữ ngàn thu rạng,
Sẵn tấm gương soi đạo Thánh Hiền.

XUẤT BẢN

Năm Nhâm-Ngọ, 1942

Châu-Hương Viên

ƯNG-BÌNH, THÚC-GIẠ-THỊ

VỸ-DẠ -:- HUE

IMPRIMERIE MIRADOR (VIEN-DE)

HUÉ — ANNAM

Visa de la Censure n° 97 du 4-2-42